

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

*(Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Mã số ngành đào tạo: 7140206

Nghệ An, 2021

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	3
DANH SÁCH HÌNH.....	4
PHẦN 1. MỞ ĐẦU	5
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
2.1. Thông tin chung	7
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo	7
2.3. Chuẩn đầu ra chi tiết của CTĐT.....	8
2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp	10
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	10
2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập.....	11
2.8. Đối sánh chương trình đào tạo	14
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học	19
3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT	19
3.3. Kế hoạch giảng dạy	21
3.4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học.....	23
3.5. Ma trận kỹ năng	24
PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	25
PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	61
PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	62
PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	63
PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CĐR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN.....	64

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
PO	Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives)
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes)
CO	Mục tiêu học phần (Course Objectives)
CLO	Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes)
LLO	Chuẩn đầu ra bài học (Lesson Learning Outcomes)
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.....	8
Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập.....	11
Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT.....	10
Bảng 3.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH tới CĐR của CTĐT.....	19
Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT.....	19
Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH.....	21
Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần.....	64

DANH SÁCH HÌNH

Sơ đồ 3.1. Cấu trúc CTDH ngành GDTC.....	23
Sơ đồ 3.2. Ma trận kỹ năng.....	24

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục Việt Nam. Ngày 28/08/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu sự ra đời của Trường Đại học Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh, khẳng định Trường Đại học Vinh đã trở thành một trường đại học đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng chính phủ ban hành Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Hiện nay, Trường Đại học Vinh là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng sư phạm; là 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là 1 trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục năm 2017.

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Vinh đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009 và năm 2014), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017), Huân chương Lao động hạng Ba của Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (2019), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1992, năm 2019), và nhiều phần thưởng cao quý khác

1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

- Sứ mạng: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học.

- Tầm nhìn: Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN.

- Mục tiêu tổng quát: Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công.

- Giá trị cốt lõi: Trung thực (honesty), trách nhiệm (accountability), say mê (passion), sáng tạo (creativity), hợp tác (collabration).

- Triết lý giáo dục: HỢP TÁC (collabration), SÁNG TẠO (creativity) - với ý nghĩa được thể hiện như sau:

HỢP TÁC 1) Trường Đại học Vinh xác định HỢP TÁC trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. HỢP TÁC là sự tôn trọng khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. HỢP TÁC là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan.

2) Trường Đại học Vinh tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác.

SÁNG TẠO 1) Trường Đại học Vinh xem SÁNG TẠO là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. SÁNG TẠO là tạo ra những tri thức và giá trị mới. SÁNG TẠO là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá, và không ngừng cải tiến.

2) Trường Đại học Vinh đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình "Hình thành ý tưởng – Thiết kế – Triển khai – Vận hành" trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất được thiết kế theo phương pháp tiếp cận CDIO nhằm đào tạo sinh viên toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp, trong đó nhấn mạnh năng lực thực hành và ý thức trách nhiệm xã hội, đảm bảo cho sinh viên được học tập chủ động và trải nghiệm thực tiễn. Sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, trình độ năng lực chuyên môn của nhà tuyển dụng, xã hội.

Chương trình đào tạo được thiết kế trên cơ sở tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Vinh; phù hợp định hướng phát triển kinh tế, xã hội, nhu cầu nguồn nhân lực, thị trường lao động của địa phương. Kỳ vọng của việc xây dựng Chương trình đào tạo này nhằm hướng đến kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng của quốc gia và quốc tế (AUN-QA).

Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Vinh được thành lập năm 1994, cho đến nay ngành đã có đội ngũ cán bộ giảng dạy được đào tạo bài bản và có trình độ đạt chuẩn. Đảm bảo tốt yêu cầu về giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm khá cao, trong số đó có nhiều sinh viên rất thành đạt trong công tác giảng dạy và công việc chuyên môn khác.

- Để học tốt chương trình đào tạo này, sinh viên cần:

- + Xây dựng kế hoạch học tập
- + Học qua Hệ thống E-learning
- + Sử dụng hệ thống LMS
- + Tự học, tự trải nghiệm
- + Sử dụng hiệu quả mạng Internet như Youtube, Facebook... để trao đổi kiến thức lí thuyết cũng như các bài tập thực hành
- + Xây dựng động cơ học tập đúng đắn

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo:	Giáo dục thể chất
2.	Mã số ngành đào tạo:	7140206
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	04 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Giáo dục thể chất
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Khoa Giáo dục thể chất
7.	Hình thức đào tạo:	Chính qui
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126
9.	Thang điểm:	10
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất có phẩm chất chính trị; có đạo đức và phong cách nhà giáo; có kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm, kiến thức khoa học giáo dục cốt lõi và kiến thức nâng cao; có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp đa phương thức và giao tiếp bằng ngoại ngữ; có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/phát triển/cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

- Mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm; kiến thức về khoa học giáo dục cốt lõi; kiến thức nâng cao chuyên ngành.

PO2: Có năng lực tư duy phân tích, giải quyết vấn đề trong hoạt động Giáo dục thể chất và thực hành khoa học cơ bản; có kỹ năng sử dụng công nghệ; có kỹ năng dạy học và thực hành khoa học cơ bản; có kỹ năng tự học và rèn luyện suốt đời; thể hiện đạo đức, phong cách nhà giáo.

PO3: Có năng lực hợp tác, làm việc nhóm; có kỹ năng giao tiếp bằng các hình thức khác nhau và giao tiếp bằng ngoại ngữ.

PO4: Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/phát triển/cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học.

Chuẩn đầu ra

PLO1. Vận dụng kiến thức và lập luận ngành

- 1.1. Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm
- 1.2. Vận dụng kiến thức về khoa học giáo dục cốt lõi
- 1.3. Vận dụng kiến thức nâng cao

PLO2. Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

- 2.1. Thể hiện kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp
- 2.2. Thể hiện phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

PLO3. Thể hiện được kỹ năng giao tiếp và hợp tác

- 3.1. Thể hiện kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm
- 3.2. Thể hiện kỹ năng giao tiếp

PLO4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/phát triển/cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học

- 4.1. Phân tích được bối cảnh xã hội và nhà trường
- 4.2. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/phát triển/cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp

Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT được mô tả trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT
Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
	PO1	✓	✓	✓					
PO2				✓	✓				
PO3						✓	✓		
PO4								✓	✓

2.3. Chuẩn đầu ra chi tiết của CTĐT

Ký hiệu CDR	Chuẩn ra đầu CTĐT	Mức độ NL tối thiểu
Phần 1	Kiến thức và lập luận ngành	
1.1	Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành sư phạm (không bao gồm kiến thức chung về tâm lí học, giáo dục học)	
1.1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật	K3
1.1.2	Vận dụng kiến thức về Giải phẫu - Sinh lí người, Sinh lí TĐTT	K4
1.1.3	Vận dụng kiến thức về Thống kê trong TĐTT	K4
1.1.4	Vận dụng kiến thức về Tâm lí học TĐTT và Y học TĐTT	K4
1.1.5	Vận dụng kiến thức về các môn Thể dục	K4

1.1.6	Vận dụng kiến thức về các môn Điền kinh	K4
1.1.7	Vận dụng kiến thức về các môn Bóng	K4
1.1.8	Vận dụng kiến thức về các môn Thể thao tổng hợp	K4
1.2	Vận dụng kiến thức về khoa học giáo dục cốt lõi	
1.2.1	Vận dụng kiến thức về quy luật phát triển nhận thức, tâm lí, trí tuệ, xã hội và thể lực có ảnh hưởng đến học tập của học sinh.	K4
1.2.2	Vận dụng kiến thức về kế hoạch, phương pháp dạy học, kiểm tra – đánh giá, phát triển chương trình môn học	K4
1.2.3	Vận dụng kiến thức về tổ chức, thực hiện các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, hướng nghiệp và văn hoá nhà trường	K4
1.3	Vận dụng kiến thức nâng cao	
1.3.1	Vận dụng kiến thức nâng cao về thể thao tự chọn	K5
1.3.2	Vận dụng kiến thức nâng cao về phương pháp dạy học Giáo dục thể chất	K4
Phần 2	Kĩ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.1	Thể hiện kĩ năng cá nhân và nghề nghiệp	
2.1.1	Thể hiện kĩ năng tư duy phản biện, tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề và sáng tạo	S4
2.1.2	Thể hiện kĩ năng tự học	S4
2.1.3	Thể hiện kĩ năng sử dụng công nghệ	S4
2.1.4	Thể hiện kĩ năng dạy học	S4
2.1.5	Thực hiện kĩ năng giáo dục để rèn luyện đạo đức, lối sống cho học sinh và xây dựng môi trường giáo dục	S4
2.1.6	Thực hiện kĩ năng thực hành khoa học cơ bản	S4
2.2	Thể hiện phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.2.1	Thể hiện đạo đức nhà giáo	A4
2.2.2	Thể hiện phong cách nhà giáo	A4
Phần 3	Kĩ năng giao tiếp và hợp tác	
3.1	Thể hiện kĩ năng hợp tác và làm việc nhóm	
3.1.1	Thể hiện kĩ năng hợp tác	S4
3.1.2	Thể hiện kĩ năng làm việc nhóm	S4
3.2	Thể hiện kĩ năng giao tiếp	
3.2.1	Thể hiện kĩ năng giao tiếp đa phương thức	S4
3.2.2	Thể hiện kĩ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ	S4
Phần 4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/phát triển/cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học	
4.1	Phân tích bối cảnh xã hội và nhà trường	
4.1.1	Phân tích bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông	C4
4.1.2	Phân tích bối cảnh nhà trường với hoạt động dạy học, giáo dục	C4
4.2	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành/phát triển/cải tiến các hoạt động dạy học, giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học để đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp	
4.2.1	Hình thành ý tưởng cho hoạt động dạy học, giáo dục (kế hoạch, nội dung, công cụ/thiết bị/phương tiện/tài liệu, phương pháp, kiểm tra – đánh giá), xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học.	C5
4.2.2	Thiết kế hoạt động dạy học, giáo dục (kế hoạch, nội dung, công cụ/thiết bị/phương tiện/tài liệu, phương pháp, kiểm tra – đánh giá), xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học.	C5

4.2.3	Triển khai thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục (kế hoạch, nội dung, công cụ/thiết bị/phương tiện/tài liệu, phương pháp, kiểm tra – đánh giá), xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học.	C5
4.2.4	Vận hành/Phát triển/Cải tiến hoạt động dạy học, giáo dục (kế hoạch, nội dung, công cụ/thiết bị/phương tiện/tài liệu, phương pháp, kiểm tra – đánh giá), xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học.	C5

2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành GDTC có khả năng đảm nhận ở các vị trí công việc sau:

- Lĩnh vực giảng dạy: Giảng dạy môn Giáo dục thể chất ở các trường phổ thông từ cấp tiểu học đến cấp THPT; Giảng dạy môn GDTC ở các trường chuyên nghiệp từ trường trung cấp đến đại học trên cả nước;

- Lĩnh vực chuyên môn khác: Làm công tác quản lý TDTT, huấn luyện và phát triển phong trào TDTT tại các trung tâm TDTT cấp xã, cấp huyện – thành phố, cấp tỉnh; làm việc tại các trung tâm đào tạo vận động viên TDTT của các tỉnh, thành và các cơ quan đơn vị tư nhân khác trên cả nước.

Đặc biệt với chương trình giáo dục phổ thông mới như Bộ GDĐT cho biết thì giáo viên dạy môn Giáo dục Thể chất ở các trường phổ thông thiếu rất nhiều, do đó cơ hội việc làm của sinh viên ngành Giáo dục thể chất là rất lớn.

2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.5.1. Tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

- Phương thức tuyển sinh:

a) Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi/môn thi của Kỳ thi THPT Quốc gia năm kết hợp với thi tuyển năng khiếu

b) Xét tuyển trình độ ĐH sử dụng kết quả học tập THPT: Điểm bài thi/môn thi xét tuyển hoặc điểm trung bình cộng các bài thi/môn thi xét tuyển được quy định như sau:

+ Đối với ngành Giáo dục Thể chất và Huấn luyện thể thao tối thiểu là 6,5 trở lên. Nếu đối tượng dự tuyển là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì điểm trung bình cộng xét tuyển kết quả học tập THPT tối thiểu là 5,0 trở lên;

+ Xét tuyển kết quả học tập THPT (2 môn tổ hợp xét tuyển lớp 10, 11, 12) tối thiểu là 6,5 trở lên và kết quả học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên.

c) Thi tuyển môn năng khiếu bao gồm 3 nội dung thi: Bật xa tại chỗ; Chạy luân cọc 30m (chạy Zichzác); Chạy 100m.

d) Tuyển thẳng: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được xét tuyển thẳng vào các trường ĐH.

+ Ưu tiên xét tuyển (miễn thi năng khiếu): Đối với thí sinh đạt cấp độ Kiện tướng, VĐV cấp I Quốc gia, đạt Huy chương các giải vô địch Quốc gia...

Những thí sinh đoạt giải các ngành TĐTT, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hoặc xét tuyển vào trường;

- Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh vào Khoa Giáo dục Thể chất năm 2021: 30 sinh viên

- Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào ngành của trường:

Mã trường: TDV

Mã số ngành Giáo dục Thể chất: 7140206

Mã tổ hợp T00: Toán- Sinh

Mã tổ hợp T01: Toán- Văn

Mã tổ hợp T02: Văn- Sinh

Mã tổ hợp T05: Văn- GD công dân

Điểm môn thi năng khiếu nhân hệ số 2.

Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi/môn thi của kỳ thi THPT năm 2021, không ít hơn 70% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

Xét tuyển học bạ THPT ngành, không quá 30% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh

2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ 125 tín chỉ của CTĐT;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;
- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học, có chứng chỉ Giáo dục-Quốc phòng, Giáo dục thể chất theo quy định và hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường.

2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Bảng 2.2. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo									
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	
Thuyết trình	✓	✓	✓	✓	✓					
Hướng dẫn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Tự học	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Thảo luận	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Dạy học theo Đồ án			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Dạy học thực hành			✓			✓		✓	✓	

2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Tiêu chí	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
------------------------	----------	-----------------------------------

	đánh giá	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Ý thức và thái độ học tập	Rubrics	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		
Hồ sơ học phần	Rubrics	✓	✓	✓			✓	✓		
Thi thực hành	Rubrics		✓	✓			✓			✓
Thi tự luận	Đáp án	✓	✓	✓					✓	✓
Đồ án	Rubrics			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Thang điểm đánh giá: 10

+ Quy định về cách thức đánh giá:

(1). Phương thức đánh giá ý thức học tập

Phương thức đánh giá ý thức học tập của SV qua quá trình học được dựa trên hai yếu tố, gồm: Điểm chuyên cần (*thể hiện qua thời lượng SV tham dự giờ học trên lớp*) và Thái độ, ý thức học tập (*thể hiện qua kết quả của hoạt động tự học ngoài giờ lên lớp*).

Cụ thể:

Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ của học phần mới đủ điều kiện dự thi;

Để đánh giá kết quả tự học ngoài giờ lên lớp, các buổi học sẽ có hình thức kiểm tra bài cũ (trong thời gian từ 5-7 phút) bằng các câu hỏi trắc nghiệm hoặc vấn đáp. Mỗi lần sẽ có từ 3- 4 SV được gọi ngẫu nhiên lên bảng và trả lời câu hỏi trắc nghiệm được chuẩn bị sẵn với nội dung bám sát theo nội dung đã yêu cầu SV tự học ở buổi trước đó. Mỗi SV trả lời 05 câu hỏi trắc nghiệm hoặc 01 câu hỏi vấn đáp và được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10.

Điểm đánh giá quá trình học tập được tính bằng cách:

Điểm quá trình học = Điểm chuyên cần x 0,3 + Điểm đánh giá kết quả tự học x 0.7

Điểm đánh giá ý thức học tập được tính trọng số là 10%.

(2). Điểm đánh giá hồ sơ học phần dưới hình thức bài tập/ báo cáo nhóm

a) Bài tập nhóm dưới hình thức thảo luận nhóm:

Đánh giá kết quả hoạt động nhóm

Trong các giờ học có hoạt động thảo luận nhóm, mỗi nhóm sẽ được đánh giá kết quả bằng điểm số chung dựa trên những tiêu chí trong bảng sau:

TT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá		
		A	B	C
I	Nội dung thảo luận nhóm	Nội dung bám sát với chủ đề đã được giao, đảm bảo chất lượng và khối lượng thông tin theo yêu cầu, giàu tính sáng tạo, có sự liên hệ thực tế.	Nội dung bám sát với chủ đề đã được giao, đảm bảo chất lượng và khối lượng thông tin theo yêu cầu.	Nội dung cơ bản đúng với chủ đề được giao nhưng còn sơ sài, còn thiếu nhiều thông tin theo yêu cầu.
	<i>Điểm tối đa: 5</i>	<i>5 điểm</i>	<i>3.0 điểm</i>	<i>2 điểm</i>

II	Sự tương tác giữa các nhóm	Có sự tương tác cao với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có nhiều ý kiến đóng góp, ý kiến phản biện cho nội dung của nhóm khác.	Có sự tương tác với các nhóm khác, chú ý lắng nghe và có ý kiến đóng góp, ý kiến phản biện cho nội dung của nhóm khác.	Không có sự tương tác với các nhóm khác.
<i>Điểm tối đa: 3</i>		<i>3.0 điểm</i>	<i>2.0 điểm</i>	<i>1.0 điểm</i>
III	Thái độ và kỹ năng làm việc nhóm	Tất cả các thành viên đều tham gia vào hoạt động nhóm, có trên 50% thành viên của nhóm có hoạt động tương tác cao với các nhóm khác.	Chỉ có 30 - 70% số lượng thành viên tham gia vào hoạt động nhóm, có dưới 50% thành viên của nhóm có hoạt động tương tác với các nhóm khác.	Dưới 30% số lượng thành viên tham gia vào hoạt động nhóm.
<i>Điểm tối đa: 2</i>		<i>2 điểm</i>	<i>1.5 điểm</i>	<i>1.0 điểm</i>

Đánh giá cá nhân trong nhóm

Nhóm trưởng của mỗi nhóm sẽ đánh giá và cho điểm từng cá nhân dựa trên mức độ tham gia và đóng góp vào hoạt động nhóm. Trung bình cộng điểm của các thành viên bằng số điểm chung của nhóm do GV đánh giá. Điểm đánh giá hồ sơ học phần ở nội dung này của mỗi SV được tính bằng con điểm trung bình cộng của tất cả những lần có bài tập/ báo cáo nhóm.

Ví dụ: Nhóm 1 có 6 thành viên, điểm đánh giá chung của nhóm là 8 điểm. Thành viên A trong nhóm có nhiều đóng góp nổi bật hơn, được nhóm trưởng đánh giá 9 điểm, thành viên B tham gia vào hoạt động nhóm còn ít, được đánh giá 7 điểm, các thành viên còn lại đều đạt điểm 8. Trung bình cộng điểm của cả nhóm vẫn là 8 điểm.

Qua 5 lần có bài tập/ báo cáo nhóm trong các hoạt động trên lớp, sinh viên A có số điểm lần lượt là 9, 8, 8, 7, 8. Như vậy, điểm đánh giá hồ sơ học phần của sinh viên A sẽ là 8 điểm, chiếm trọng số 10%.

b) Báo cáo viết và báo cáo thuyết trình nhóm

Nội dung này được dùng để đánh giá bài tập nhóm thuộc nội dung chuẩn đầu ra G3.2. Cách thức cho điểm các thành viên trong nhóm cũng tương tự như ở hoạt động nhóm trên lớp. Điểm ở nội dung này được tính trọng số là 10%.

(3). Đánh giá định kỳ

Sẽ có tối đa 02 bài kiểm tra giữa kỳ với nội dung mỗi bài tương ứng theo nội dung đánh giá định kỳ. Bài kiểm tra có 30 câu hỏi trắc nghiệm, thời gian làm bài là 35 phút. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm số bài kiểm tra được tính trọng số là 20%.

(4). Đánh giá cuối kỳ

- Hình thức thứ nhất:

Bài thi tự luận đánh giá kết quả cuối kỳ sẽ có trong Ngân hàng câu hỏi, thời gian làm bài là 120 phút. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc chuyển từ điểm số sang điểm chữ được thực hiện tự động trên phần mềm quản lý điểm. Điểm đánh giá cuối kỳ được tính trọng số là 50%.

- Hình thức thứ hai:

Bài kiểm tra trắc nghiệm có 40 câu hỏi đối với học phần 2 tín chỉ, 50 câu đối với học phần 3 tín chỉ và 60 câu đối với học phần 4 tín chỉ trở lên, thời gian làm bài là 50 phút đối với học phần 2 tín chỉ, 60 phút đối với học phần 3 tín chỉ và 70 phút đối với học phần 4 tín chỉ trở lên. Điểm của bài thi được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm số bài kiểm tra được tính trọng số là 50%.

- Hình thức thứ ba:

Thực hiện đồ án HP theo nhóm. Điểm số đồ án học phần được tính trọng số là 50%.

- Hình thức thứ tư:

Đối với các học phần thi thực hành trên máy tính: 60 phút đối với các học phần dưới 4 tín chỉ; 75 phút đối với các học phần 4 tín chỉ trở lên. Điểm số đồ án học phần được tính trọng số là 50%.

Đối với thi vấn đáp: sinh viên trả lời từ 7 đến 12 phút

Liệt kê cách đánh giá kết quả học tập của sinh viên như thành phần đánh giá, thang điểm đánh giá. (Theo Quy chế đào tạo đại học của Trường Đại học Vinh).

2.8. Đối sánh chương trình đào tạo

2.8.1. Báo cáo kết quả đối sánh Chuẩn đầu ra CTĐT ngành GDTC trường Đại học Vinh với CDR CTĐT ngành GDTC của các trường trong và ngoài nước và đề cương CDIO.

CDR Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Vinh được đối sánh với mục tiêu và CDR ngành Giáo dục thể chất của một số trường trong và ngoài nước. Cụ thể như sau:

- Ngành Giáo dục thể chất, trường ĐHSP Thái Nguyên
- Ngành Giáo dục thể chất, trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngành Giáo dục thể chất, trường ĐHSP Hà Nội 2
- Missouri State University
(<https://www.missouristate.edu/Kinesiology/PhysicalEducation/four-year-degree-plan.htm>)
- Dakota State University: <https://bulletin.ndsu.edu/undergraduate/program-curriculum/physical-education/>

Nhận xét:

- Về cơ bản, CDR ngành Giáo dục thể chất trường Đại học Vinh đã thể hiện đầy đủ các yếu tố như phẩm chất, năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo hướng tiếp cận CDIO.

- Qua đối sánh, cần phải bổ sung một số điểm như sau:

- + Bổ sung CDR về Phương pháp dạy học tiếp cận phẩm chất và năng lực
- + Bổ sung CDR về kiến thức nâng cao
- + Bổ sung CDR về NCKH

+ Xác định được các nội dung trải nghiệm cho học sinh từ các chủ đề/bài học trong Chương trình, SGK Giáo dục thể chất; thiết kế được các hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong dạy học Giáo dục thể chất; tổ chức được các hoạt động hướng nghiệp cho học sinh gắn với các ngành Giáo dục thể chất.

2.8.2. Báo cáo kết quả đối sánh CTĐT ngành GDTC trường Đại học Vinh với CDR CTĐT ngành GDTC của các trường trong và ngoài nước

- Kết quả đối sánh CTĐT đại học ngành GDTC trường Đại học Vinh với ngành GDTC trường Đại học sư phạm Hà Nội 2
- Kết quả đối sánh CTĐT đại học ngành GDTC trường Đại học Vinh với ngành GDTC trường Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh
- Kết quả đối sánh CTĐT đại học ngành GDTC trường Đại học Vinh với ngành GDTC trường Đại học sư phạm Thái Nguyên
- Kết quả đối sánh CTĐT đại học ngành GDTC trường Đại học Vinh với ngành GDTC trường Đại học Quốc gia Đà Loan
- Kết quả đối sánh CTĐT đại học ngành GDTC trường Đại học Vinh với ngành GDTC trường Đại học Pusan, Hàn Quốc
- Kết quả đối sánh CTĐT đại học ngành GDTC trường Đại học Vinh với ngành GDTC trường Đại học Vũ Hán, Trung Quốc

Cụ thể:

a. Đối sánh CTĐT đại học ngành GDTC trường Đại học Vinh với ngành GDTC trường Đại học sư phạm Hà Nội 2

TT	Nội dung đối sánh	Ngành GDTC, ĐH Vinh	Ngành GDTC, ĐHSP HN 2	Ghi chú
1	Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	
2	Số học phần	36	50	
3	Số tín chỉ	125	120	
4	Cấu trúc chương trình			
4.1	Số HP đại cương chung	8	10	
4.2	Số TC đại cương chung	20	22	
4.3	Số HP đại cương khối ngành	5	4	
4.4	Số TC đại cương khối ngành	15	8	
4.5	Số HP cơ sở ngành	4	7	
4.6	Số TC cơ sở ngành	8	18	
4.7	Số HP chuyên ngành	21	29	
4.8	Số TC chuyên ngành	82	72	

Nhận xét:

Số tín chỉ khối kiến thức đại cương chung của 2 trường là tương đương nhau. Số tín chỉ khối kiến thức đại cương khối ngành GDTC của trường Đại học Vinh là 15 tín chỉ, trong khi đó đại học Sư phạm HN2 là 8 tín chỉ, ít hơn 7 tín chỉ. Đối với kiến thức cơ sở ngành, trường đại học Vinh có 8 tín chỉ, trong khi đó trường đại học Sư phạm HN2 có 18 tín chỉ, nhiều hơn 10 tín chỉ. Đối với kiến thức chuyên ngành, trường Đại học Vinh có 82 tín chỉ, trong khi đó trường đại học Sư phạm HN2 có 72 tín chỉ, ít hơn 10 tín chỉ. Một sự khác biệt nữa là trường đại học Sư phạm HN2 có Khoá luận tốt nghiệp, trong khi đó trường đại học Vinh không có. Đối với môn tự chọn thì trường đại học Sư phạm HN2 đa dạng hơn, tạo điều kiện cho người học có sự lựa chọn môn học tự chọn phù hợp. Việc đối sánh này là cơ sở để điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo ngành GDTC trường Đại học Vinh cho phù hợp hơn.

b. Đối sánh CTĐT đại học ngành GDTC trường Đại học Vinh với ngành GDTC trường Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh

TT	Đối sánh	Ngành GDTC, ĐH Vinh	Ngành GDTC, ĐHSP TP HCM	Ghi chú
1	Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	
2	Số học phần	36	53	
3	Số tín chỉ	125	135	
4	Cấu trúc chương trình			
4.1	Số HP đại cương chung	8	9	
4.2	Số TC đại cương chung	20	27	
4.3	Số HP đại cương khối ngành	5	9	
4.4	Số TC đại cương khối ngành	15	18	
4.5	Số HP cơ sở ngành	4	8	
4.6	Số TC cơ sở ngành	8	17	
4.7	Số HP chuyên ngành	21	17	
4.8	Số TC chuyên ngành	82	71	

Nhận xét:

Số lượng học phần của ngành GDTC ĐHSP TP HCM là 53, trong khi đó của ngành GDTC trường đại học Vinh là 38, ít hơn 15 học phần, nhưng chỉ ít hơn 10 tín chỉ. Khối lượng kiến thức đại cương chung của ngành GDTC ĐHSP TP HCM là 27 tín chỉ, nhiều hơn ngành GDTC của trường đại học Vinh 7 tín chỉ. Khối lượng kiến thức đại cương khối ngành của 2 ngành là tương đương nhau. Khối lượng kiến thức cơ sở ngành của ngành GDTC đại học Vinh là 4 tín chỉ, ít hơn ngành GDTC ĐHSP TP HCM 4 tín chỉ. Khối lượng kiến thức chuyên ngành của ngành GDTC trường đại học Vinh là 82 tín chỉ, nhiều hơn ngành GDTC ĐHSP TP HCM 11 tín chỉ. Có thể thấy ngành GDTC trường đại học Vinh chú trọng hơn đến khối kiến thức chuyên ngành. Ngành GDTC ĐHSP TP HCM có nhiều học phần tự chọn, điều này tạo điều kiện cho người học có thể lựa chọn môn học phù hợp, tuy nhiên các học phần tự chọn lại lặp lại nhiều.

c. Đối sánh CTĐT đại học ngành GDTC trường Đại học Vinh với ngành GDTC trường Đại học sư phạm Thái Nguyên

TT	Nội dung đối sánh	Ngành GDTC, ĐH Vinh	Ngành GDTC, ĐHSP Thái Nguyên	Ghi chú
1	Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	
2	Số học phần	36	43	
3	Số tín chỉ	125	135	
4	Cấu trúc chương trình			
4.1	Số HP đại cương chung	8	11	
4.2	Số TC đại cương chung	20	28	
4.3	Số HP đại cương khối ngành	5	3	
4.4	Số TC đại cương khối ngành	15	9	
4.5	Số HP cơ sở ngành	4	3	
4.6	Số TC cơ sở ngành	8	11	
4.7	Số HP chuyên ngành	21	26	
4.8	Số TC chuyên ngành	82	87	

Nhận xét:

Số học phần và số tín chỉ của ngành GDTC trường đại học sư phạm Thái Nguyên đều nhiều hơn ngành GDTC trường đại học Vinh, lần lượt là 43/38 và 135/126. Số lượng kiến thức đại cương chung của ngành GDTC đại học sư phạm Thái Nguyên cũng nhiều hơn ngành GDTC đại học Vinh 8 tín chỉ. Tuy nhiên khối lượng kiến thức đại cương khối

ngành của khoa GDTC trường đại học Vinh lại nhiều hơn ngành GDTC trường đại học SP Thái Nguyên 6 tín chỉ. Cả 2 ngành đều chú trọng vào kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành với số lượng kiến thức tương đương nhau. Ngành GDTC trường đại học sư phạm Thái Nguyên có nhiều môn học là lí thuyết không sát với chuyên môn của ngành.

d. Đối sánh CTĐT đại học ngành GDTC trường Đại học Vinh với ngành GDTC trường Đại học TDTT Quốc gia Đài Loan

TT	Nội dung đối sánh	Ngành GDTC, ĐH Vinh	Ngành GDTC, ĐHQG Đài Loan	Ghi chú
1	Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	
2	Số học phần	36	61	
3	Số tín chỉ	125	100	
4	Cấu trúc chương trình			
4.1	Số HP đại cương chung	8	0	
4.2	Số TC đại cương chung	20	0	
4.3	Số HP đại cương khối ngành	5	0	
4.4	Số TC đại cương khối ngành	15	0	
4.5	Số HP cơ sở ngành	4	29	
4.6	Số TC cơ sở ngành	8	58	
4.7	Số HP chuyên ngành	21	32	
4.8	Số TC chuyên ngành	82	42	

Nhận xét:

Số học phần ngành GDTC trường ĐH TDTT Quốc gia Đài loan giảm đi đến 61 học phần, trong khi đó ngành GDTC trường đại học Vinh chỉ có 36 học phần. Chỗ khác biệt lớn nhất tập trung ở nhóm kiến thức đại cương chung và đại cương khối ngành, tổng số tín chỉ đại cương chung phía Việt Nam là 21 trong khi đó phía Đài Loan là 0 tín chỉ. Phía Việt Nam tập trung vào kiến thức sư phạm (Tâm lí học, Giáo dục học...). Ngược lại, số tín chỉ kiến thức cơ sở ngành phía Đài Loan là 58 còn phía Việt Nam là 8. Một khác biệt lớn nữa đó là phía Việt Nam tập trung nhiều cho kiến thức chuyên ngành với 82 tín chỉ, trong khi đó phía Đài Loan chỉ có 42 tín chỉ. Đối với các học phần tự chọn thì phía Đài Loan đa dạng và linh hoạt hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho người học lựa chọn môn học phù hợp. Tuy nhiên, ngành GDTC ĐH TDTT Quốc gia Đài Loan còn có quá nhiều học phần lí thuyết và không liên quan chặt chẽ đến chuyên ngành

e. Đối sánh CTĐT đại học ngành GDTC trường Đại học Vinh với ngành GDTC trường Đại học Quốc gia Pusan, Hàn Quốc

TT	Nội dung đối sánh	Ngành GDTC, ĐH Vinh	Ngành GDTC, ĐH QG Pusan	Ghi chú
1	Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	
2	Số học phần	36	77	
3	Số tín chỉ	125	136	
4	Cấu trúc chương trình			
4.1	Số HP đại cương chung	8	7	
4.2	Số TC đại cương chung	20	13	
4.3	Số HP đại cương khối ngành	5	14	
4.4	Số TC đại cương khối ngành	15	30	
4.5	Số HP cơ sở ngành	4	15	
4.6	Số TC cơ sở ngành	8	41	
4.7	Số HP chuyên ngành	21	41	

4.8	Số TC chuyên ngành	82	52	
-----	--------------------	----	----	--

Nhận xét:

Khối kiến thức đại cương chung ngành GDTC đại học Vinh là 21 tín chỉ, nhiều hơn ngành GDTC đại học Quốc gia Pusan 7 tín chỉ. Ngược lại, đại học Pusan lại nhiều hơn đại học Vinh 15 tín chỉ đối với khối kiến thức đại cương khối ngành. Bên cạnh đối đối với khối kiến thức cơ sở ngành thì Pusan cũng nhiều hơn đại học Vinh 32 tín chỉ. Tuy nhiên, đại học Vinh lại chú trọng đến khối kiến thức chuyên ngành với số tín chỉ là 82, trong khi đó Pusan có 52 tín chỉ, ít hơn đại học Vinh 30 tín chỉ. Đại học Pusan có số lượng học phần tự chọn khá dồi dào, tạo điều kiện thuận lợi cho người học lựa chọn môn học phù hợp. Kết quả đối sánh này là cơ sở để ngành GDTC, trường đại học Vinh điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo cho hợp lí.

g. Đối sánh CTĐT đại học ngành GDTC trường Đại học Vinh ngành GDTC với trường Đại học TDTT Vũ Hán – Trung Quốc

TT	Nội dung đối sánh	Ngành GDTC, ĐH Vinh	Ngành GDTC, ĐH TDTT Vũ Hán	Ghi chú
1	Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	
2	Số học phần	36	33	
3	Số tín chỉ	125	141	
4	Cấu trúc chương trình			
4.1	Số HP đại cương chung	8	14	
4.2	Số TC đại cương chung	20	32	
4.3	Số HP đại cương khối ngành	5	2	
4.4	Số TC đại cương khối ngành	15	6	
4.5	Số HP cơ sở ngành	4	9	
4.6	Số TC cơ sở ngành	8	22	
4.7	Số HP chuyên ngành	21	7	
4.8	Số TC chuyên ngành	82	40	

Nhận xét:

Nhìn chung tổng số học phần của 2 ngành là tương đương nhau. Tuy nhiên xét về số tín chỉ thì ngành GDTC, ĐH TDTT Vũ Hán nhiều hơn ngành GDTC của trường đại học Vinh đến 16 tín chỉ. Khối kiến thức cơ sở ngành của ngành GDTC trường Đại học Vinh lại nhiều hơn 12 tín chỉ. Bên cạnh đó, khối kiến thức chuyên ngành của ngành GDTC trường đại học Vinh cũng nhiều hơn đến 40 tín chỉ so với ngành GDTC trường Đại học Vũ Hán. Như vậy, xét về tổng thể, việc bố trí khối lượng kiến thức của trường Đại học Vinh cân đối hơn, chú trọng đến các học phần chuyên ngành (thực hành), giảm tải các học phần lí thuyết.

TT	Mã HP	Tên học phần									
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
		thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật)									
11	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	√			√	√				
12	SPO31004	Điền kinh 2	√	√				√			
13	EDU20006	Giáo dục học		√		√	√	√	√	√	
14	SPO30007	Thể dục 2	√	√		√	√	√			√
15	ENG10002	Tiếng Anh 2						√	√		
16	SPO30015	Bóng bàn	√			√			√		
17	SPO30029	Điền kinh 3	√			√					
18	POL11004	Lịch sử Đảng CSVN	√			√	√				
19	SPO31010	Đá cầu	√			√		√			
20	SPO30030	Trò chơi vận động	√			√		√			
21	INF20005	Ứng dụng ICT trong GD				√	√	√	√	√	√
22	SPO30016	Bóng đá	√			√		√	√		√
23	SPO30003	Bóng rổ - bóng ném	√	√		√		√			
24	SPO30005	Lý luận và PPDH GDTC		√		√					
25	SPO31027	Khiêu vũ thể thao	√	√					√		
26	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	√			√	√				
27	EDU20013	Y học TĐTT	√	√		√					
28	SPO31014	Bơi	√			√					
29	SPO30008	Bóng chày	√	√		√		√	√		√
30	SPO31009	Cầu lông	√			√			√		
31	SPO30012	Tâm lý học TĐTT	√			√	√				
32	SPO30013	Võ thuật	√	√		√		√			
33	SPO31022	Cờ vua	√	√		√		√			
34	SPO31017	GDTC trường học		√		√	√	√			
35	SPO30024	Quần vợt	√			√		√			
36	SPO31025	Thực hành PPDH GDTC		√	√	√			√	√	√
37		Tự chọn			√	√			√		
38	SPO31028	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp			√	√	√		√	√	√

- **Phân nhiệm giữa các học phần và CDR chi tiết của CTĐT**
(Xem Phụ lục A)

3.3. Kế hoạch giảng dạy

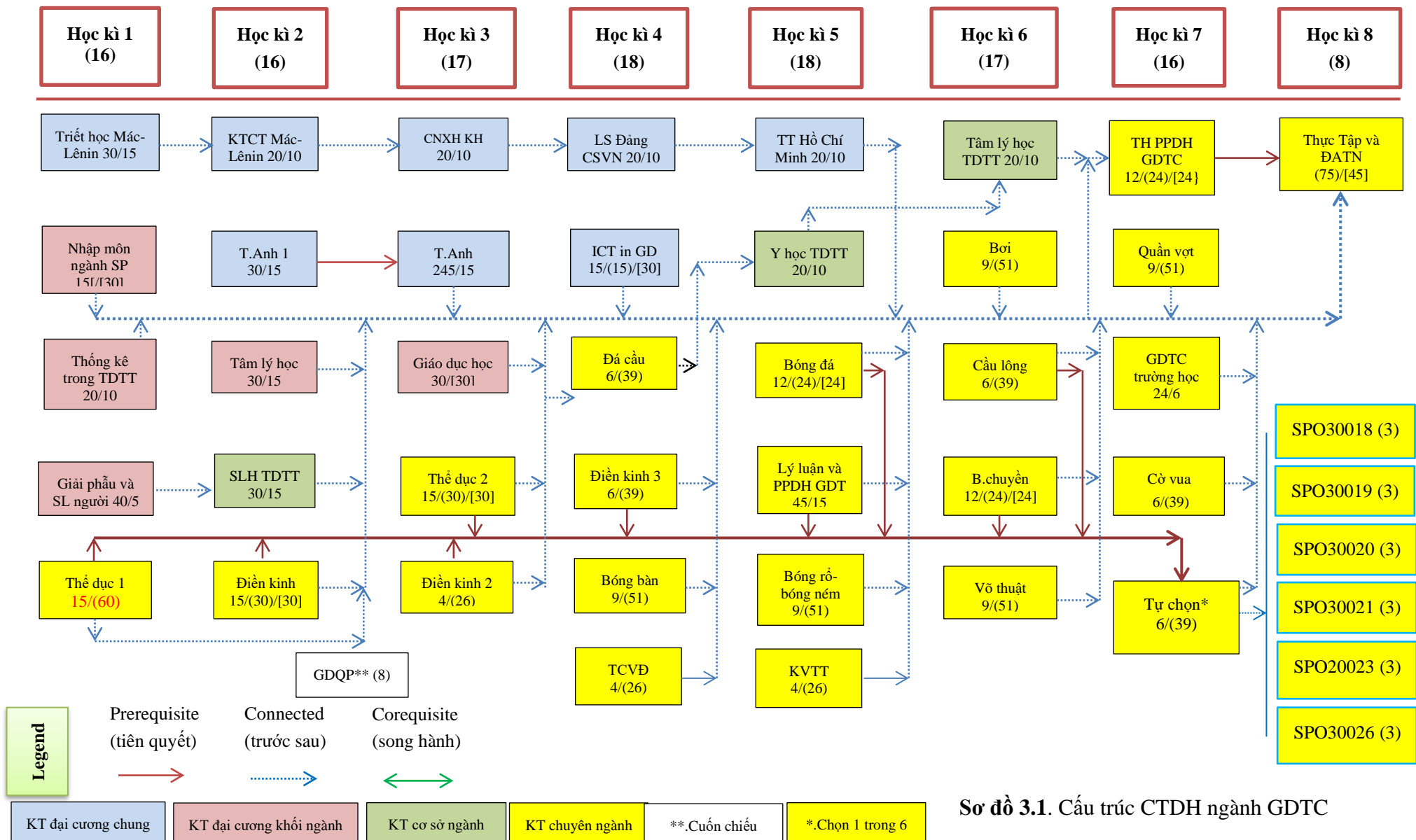
Kế hoạch giảng dạy của CTDH được mô tả trong Bảng 3.3, trong đó các ký hiệu như sau: (1) Loại học phần:

× – bắt buộc, √ – tự chọn; (2) LT – lý thuyết, TH – thực hành, TL – thảo luận, BT – bài tập, ĐA – đồ án.

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Lý thuyết (1)/Thực hành, thực tập(2)/Thảo luận, Bài tập (3)/Dự án (4)/Thực tập TN (5)/Đồ án TN (6)						Phân kỳ	Loại học phần	Đơn vị phụ trách (Khoa/Viện)
				1	2	3	4	5	6			
		KIẾN THỨC BẮT BUỘC										
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm	3				45			1	Bắt buộc	Trường Sư phạm
2	BIO30001	Giải phẫu và sinh lý người	3	40		5				1	Bắt buộc	Sinh học
3	SPO30001	Thế dục 1	5	15	60					1	Bắt buộc	GDTC
4	MAT31001	Thống kê trong thể dục thể thao	2	20		10				1	Bắt buộc	Toán học
5	POL11001	Triết học Mác - Lênin	3	30		15				1	Bắt buộc	GDCT
6	SPO30002	Điền kinh 1	5				75			2	Bắt buộc	GDTC
7	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20		10				2	Bắt buộc	GDCT
8	BIO30005	Sinh lý học thể dục thể thao	3	30		15				2	Bắt buộc	GDTC
9	EDU21003	Tâm lý học	3	30		15				2	Bắt buộc	Tâm lý - GD
10	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	30		15				2	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
	NAP11001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)	(2)	30						(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	(2)	30						(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11003	Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)	(2)	15	15					(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11004	Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật)	(2)	4	26					(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
11	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20		10				3	Bắt buộc	GDCT
12	SPO31004	Điền kinh 2	2	4	26					3	Bắt buộc	GDTC
13	EDU20006	Giáo dục học	4	45		15				3	Bắt buộc	Tâm lý - GD
14	SPO30007	Thế dục 2	5				75			3	Bắt buộc	GDTC
15	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	45		15				3	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
16	SPO30015	Bóng bàn	4	9	51					4	Bắt buộc	GDTC

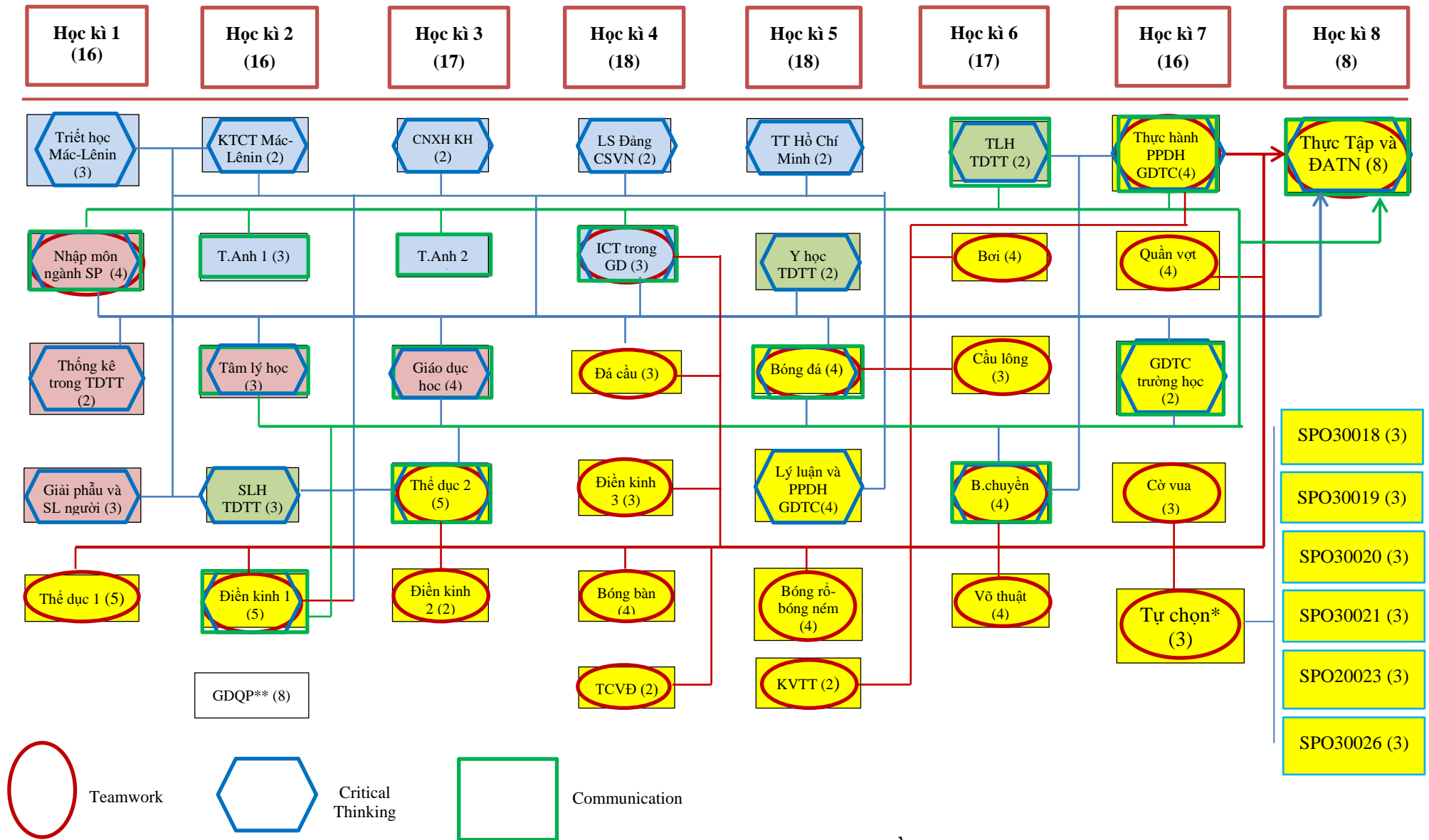
17	SPO30029	Điện kinh 3	3	6	39				4	Bắt buộc	GDTC
18	POL11004	Lịch sử Đảng công sản Việt Nam	2	20		10			4	Bắt buộc	GDCT
19	SPO31010	Đá cầu	3	6	39				4	Bắt buộc	GDTC
20	SPO30030	Trò chơi vận động	2	4	26				4	Bắt buộc	GDTC
21	INF20005	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4				60		4	Bắt buộc	Tin học
22	SPO30016	Bóng đá	4				60		5	Bắt buộc	GDTC
23	SPO30003	Bóng rổ - bóng ném	4	9	51				5	Bắt buộc	GDTC
24	SPO30005	Lý luận và PPDH Giáo dục thể chất	4	45		15			5	Bắt buộc	GDTC
25	SPO31027	Khiêu vũ thể thao	2	4	26				5	Bắt buộc	GDTC
26	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		10			5	Bắt buộc	GDCT
27	EDU20013	Y học thể dục thể thao	2	20		10			5	Bắt buộc	GDMN
28	SPO31014	Bơi	4	9	51				6	Bắt buộc	GDTC
29	SPO30008	Bóng chuyền	4				60		6	Bắt buộc	GDTC
30	SPO31009	Cầu lông	3	6	39				6	Bắt buộc	GDTC
31	SPO30012	Tâm lý học thể dục thể thao	2	20		10			6	Bắt buộc	GDTC
32	SPO30013	Võ thuật	4	9	51				6	Bắt buộc	GDTC
33	SPO31022	Cờ vua	3	6	39				7	Bắt buộc	GDTC
34	SPO31017	Giáo dục thể chất trường học	2	24		6			7	Bắt buộc	GDTC
35	SPO30024	Quần vợt	4	9	51				7	Bắt buộc	GDTC
36	SPO31025	Thực hành PPDH Giáo dục thể chất	4				69		7	Bắt buộc	GDTC
37		Tự chọn	3						7	Tự chọn	
38	SPO31028	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8					75 45	8	Bắt buộc	GDTC
		Tổng	126								
*Tự chọn (Chọn 1 trong 6 học phần)											
1	SPO31018	Bóng chuyền nâng cao	3	6	39				7	Tự chọn	GDTC
2	SPO31019	Bóng đá nâng cao	3	6	39				7	Tự chọn	GDTC
3	SPO31020	Bóng rổ nâng cao	3	6	39				7	Tự chọn	GDTC
4	SPO31021	Cầu lông nâng cao	3	6	39				7	Tự chọn	GDTC
5	SPO31023	Điện kinh nâng cao	3	6	39				7	Tự chọn	GDTC
6	SPO31026	Thể dục nâng cao	3	6	39				7	Tự chọn	GDTC

3.4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học



Sơ đồ 3.1. Cấu trúc CTDH ngành GDTC

3.5. Ma trận kỹ năng



Sơ đồ 3.2. Ma trận kỹ năng ngành GDTC

PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

1. PED20002: Nhập môn ngành sư phạm

Mô tả học phần

Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* là học phần đầu tiên của Chương trình đào tạo Sư phạm Giáo dục thể chất. Học phần cung cấp những kiến thức khái quát về ngành Sư phạm và Sư phạm Giáo dục thể chất, bước đầu hình thành cho người học một số kỹ năng nghề nghiệp cần thiết; nhận diện tổng quan về nghề nghiệp và ngành học. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả để trở thành người giáo viên đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.

Mục tiêu học phần

Học phần *Nhập môn ngành Sư phạm* giới thiệu khái quát về ngành Sư phạm, ngành Sư phạm Giáo dục thể chất và những yêu cầu về phẩm chất, năng lực của giáo viên; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục thể chất; quy trình thực hiện dự án học phần; bước đầu hình thành cho người học kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Người học có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển một dự án liên quan đến học phần. Từ đó giúp người học hình thành kế hoạch, phương pháp học tập, trở nên tự tin và làm chủ quá trình đào tạo.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Trình bày khái quát về ngành sư phạm, hệ thống giáo dục và những đổi mới về giáo dục phổ thông của Việt Nam; các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo viên phổ thông.
- CLO1.2 Trình bày mục tiêu, những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS trong Chương trình GDPT môn Giáo dục thể chất; mục tiêu và chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất
- CLO2.1 Thể hiện kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực trong quá trình học và trải nghiệm thực tế ở trường phổ thông
- CLO2.2 Thể hiện tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong nhà giáo trong trường phổ thông
- CLO3.1 Tổ chức hoạt động nhóm để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ mà học phần đề ra
- CLO3.2 Thể hiện kỹ năng giao tiếp trong môi trường sư phạm
- CLO4.1 Nhận diện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông và vai trò của Giáo dục thể chất trong hoạt động dạy học và giáo dục
- CLO4.2 Hình thành ý tưởng cho trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông
- CLO4.3 Lập kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông
- CLO4.4 Thực hiện kế hoạch trải nghiệm nghề nghiệp ở trường phổ thông
- CLO4.5 Đánh giá và đưa ra kế hoạch học tập để trở thành giáo viên Giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp

2. BIO30001: Giải phẫu và sinh lí người

Mô tả học phần: Giải phẫu - Sinh lí người là môn khoa học mô tả những kiến thức cơ bản có hệ thống về cấu tạo, chức năng, qui luật hoạt động của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể. Đặc biệt, môn học này cũng cung cấp những kiến thức về ảnh hưởng của luyện tập thể dục thể thao lên chức năng hệ vận chuyển oxy (hệ máu, hệ tuần hoàn và hô hấp), hệ sử dụng oxy (hệ cơ) và hệ điều khiển (hệ thần kinh), cũng như sự hoạt động và phát triển của các hệ cơ quan khác trong cơ thể. Đây là môn học tiên quyết, tạo cơ sở nền

tăng cho việc tiếp tục nghiên cứu các môn học khác như môn Sinh cơ học thể dục thể thao, Sinh lý học thể dục thể thao và các môn chuyên ngành khác.

Mục tiêu học phần: Hiểu được các kiến thức chung của cơ thể con người về mặt cấu tạo, chức năng và quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể để nghiên cứu ảnh hưởng của luyện tập thể dục thể thao lên sự hoạt động, phát triển của các cơ quan Vận dụng kiến thức môn học vào việc tiếp thu kiến thức các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Phát triển phẩm chất, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng làm việc ở phòng thí nghiệm. Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Phát triển năng lực hình thành và thiết kế ý tưởng

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Hiểu được khái niệm cơ bản liên quan đến môn học
- CLO1.2 Nhớ được vai trò, đặc điểm cấu tạo của tế bào, các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể.
- CLO1.3 Chứng minh sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của các cấp độ cơ thể. Sự thích nghi giữa cơ thể với điều kiện môi trường.
- CLO1.4 Hiểu được quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ cơ quan trong sự chi phối của các yếu tố điều hoà.
- CLO1.5 Hiểu được ảnh hưởng của các bài tập TDDT lên hoạt động và phát triển của các hệ cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể
- CLO1.6 Áp dụng được các kiến thức về GPSI người vào việc tiếp cận các môn học Sinh lý thể dục thể thao, môn sinh cơ
- CLO1.7 Áp dụng được các kiến thức về GPSI người vào việc tiếp cận các môn chuyên ngành khác.
- CLO2.1 Kỹ năng phân tích tổng hợp các vấn đề
- CLO2.2 Phát triển kỹ năng khảo sát, thu thập thông tin qua tài liệu
- CLO2.3 Kỹ năng tư duy sáng tạo, phản biện và tự học, tự rèn luyện
- CLO3.1 Khả năng làm việc nhóm, lãnh đạo nhóm, tuân thủ quy định nhóm, triển khai hoạt động nhóm hiệu quả
- CLO4.2 kỹ năng đánh giá, kỹ năng ICT, kỹ năng thuyết trình
- CLO5.1 Nhận thực được vai trò của giáo viên thể dục trong nhà trường phổ thông
- CLO5.2 Hiểu biết và thiết lập được các mục tiêu hoạt động GDTC ở trường phổ thông

3. SPO30001: Thể dục 1

Mô tả học phần

Học phần Thể dục 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về đội ngũ, đội hình, những tư thế cơ bản, những bài tập liên hợp tạo tư thế đúng và đẹp, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đồng diễn thể dục nhằm biểu dương sức mạnh và tinh thần đoàn kết, phát triển năng lực làm việc tập thể.

Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: Hiểu kiến thức lý thuyết về Thể dục cơ bản và Đồng diễn thể dục; Thực hiện được các bài tập thực hành Thể dục cơ bản và Đồng diễn thể dục; Vận dụng các kiến thức về phương pháp dạy học Thể dục cơ bản và Đồng diễn thể dục; Vận dụng kiến thức Thể dục cơ bản và Đồng diễn thể dục vào hoạt động thể thao; Thể hiện tính sáng tạo, chấp nhận rủi ro; thể hiện tính kiên trì, quyết tâm và linh hoạt

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 *Hiểu* mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ của Thể dục cơ bản
- CLO1.2 *Hiểu* yêu cầu, nội dung, bài tập phát triển chung và đội hình đội ngũ
- CLO1.3 *Hiểu* đội hình đội ngũ
- CLO1.4 *Hiểu* khái niệm, tầm quan trọng và phân loại Đồng diễn thể dục
- CLO1.5 *Hiểu* cách thức biên soạn đồng diễn thể dục
- CLO1.6 *Hiểu* nguyên tắc và phương pháp dạy học thể dục
- CLO2.1 *Thực hiện* được các bài tập đội hình đội ngũ
- CLO2.2 *Thực hiện* được các bài tập phát triển chung và các tư thế vận động cơ bản
- CLO2.3 *Thực hiện* được các bài thể dục cơ bản liên hoàn
- CLO2.4 *Xây dựng* và biên soạn được bài đồng diễn thể dục
- CLO3.1 *Vận dụng* kiến thức và phương pháp vào dạy học Thể dục cơ bản
- CLO3.2 *Vận dụng* kiến thức và phương pháp vào dạy học Đồng diễn thể dục
- CLO4.1 *Vận dụng* động tác thể dục cơ bản và đội hình đội ngũ trong hoạt động thể thao
- CLO4.2 *Vận dụng* kiến thức đồng diễn thể dục phục vụ cho hoạt động thể thao
- CLO5.1 *Thể hiện* tính sáng tạo, chấp nhận rủi ro
- CLO5.2 *Thể hiện* tính kiên trì, quyết tâm và linh hoạt

4. MAT31001: Thống kê trong thể dục thể thao

Mô tả học phần

Học phần cung cấp các ứng dụng của thống kê giải quyết nhiều vấn đề nảy sinh trong các học phần thuộc chương trình đào tạo ngành GDTC (như Sinh lý học TDDT và Y học TDDT, Lý luận và phương pháp dạy học GDTC, PPCKH TDDT, ...)

Mục tiêu học phần

Nắm vững các khái niệm về biến cố, xác suất của biến cố, các biến cố độc lập; biến ngẫu nhiên rời rạc và biến ngẫu nhiên liên tục, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, các phân phối xác suất cơ bản áp dụng trong thống kê. Nắm vững lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng, lý thuyết kiểm định, lý thuyết về tương quan và hồi quy và vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tế của ngành TDDT. Nắm được các thao tác sử dụng phần mềm R để giải các bài toán thống kê cơ bản. Phát hiện, phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán thống kê và khả năng tự đọc tài liệu theo hướng dẫn gợi ý của giáo viên.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Nắm được khái niệm biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên, hàm phân phối và các tính chất cơ bản của chúng.
- CLO1.2 Nắm vững khái niệm mẫu, công thức tính các đặc trưng mẫu, các phương pháp ước lượng.
- CLO1.3 Nắm vững các phương pháp kiểm định giả thuyết, tương quan và hồi quy.
- CLO1.4 Nắm được các thao tác thực hiện phần mềm R để giải các bài toán thống kê cơ bản.
- CLO2.1 Tính được xác suất của các biến cố nảy sinh trong thực tế ngành TDDT.
- CLO2.2 Biết cách tìm hàm phân phối và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.
- CLO2.3 Vận dụng được các kiến thức của lý thuyết thống kê để tính được các số đặc trưng mẫu, khoảng ước lượng các tham số;
- CLO2.4 Vận dụng được các kiến thức của lý thuyết thống kê để kiểm định giả thuyết về các tham số; tính được hệ số tương quan và tìm được hàm hồi quy (*trong thực tế của ngành TDDT*).

- CLO3.1 Có thái độ tích cực hợp tác với giáo viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.
- CLO3.2 Phân công công việc trong một nhóm bài tập một cách có hiệu quả.
- CLO3.3 Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm.

5. POL10001: Triết học Mác – Lênin

Mô tả học phần

Học phần triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống. Đây là học phần bắt buộc ở học kỳ 1 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc Đại học. Học phần được kết cấu bởi 3 chương, trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề triết học và triết học Mác – Lênin, học phần giúp sinh viên hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật, từng bước vận dụng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề triết học trong thực tiễn.

Mục tiêu học phần

- Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin, từ vận dụng vào nghiên cứu khoa học chuyên ngành và thực tiễn xã hội.
- Hình thành ở sinh viên năng lực vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn.
- Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên.

4. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 **Giải thích** được những tri thức cơ bản về triết học Mác – Lênin
- CLO1.2 **Áp dụng** lý luận triết học Mác - Lênin vào nhận thức khoa học và thực tiễn xã hội
- CLO2.1 **Thể hiện** hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng
- CLO2.2 **Có khả năng** vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực thực tiễn; **phê phán**, đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa nghĩa duy vật trước C.Mác

6. SPO30002: Điền kinh 1

Mô tả học phần

Học phần Điền kinh 1 là học phần cơ bản nhất của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất; nhằm cung cấp các kiến thức về đặc điểm, kỹ thuật các môn chạy, phương pháp giảng dạy và huấn luyện các môn chạy, tổ chức và điều hành thi đấu các môn chạy để giúp sinh viên làm quen với cách giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến vị trí nghề nghiệp trong tương lai

Mục tiêu học phần

Hiểu được các kiến thức cơ bản về lý luận các môn chạy. *Vận dụng* được các kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành các môn chạy. *Áp dụng* được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện các môn chạy. *Áp dụng* được luật các môn chạy, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu các môn chạy. *Vận dụng* kiến thức cơ bản các môn chạy để xây dựng chương trình, tổ chức, triển khai và phát triển chương trình đối với nội dung các môn chạy ở các cấp học phổ thông

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 *Nắm* được khái niệm, vị trí và vai trò các môn chạy trong trường học, phân loại và lịch sử phát triển các môn chạy
- CLO1.2 *Hiểu* được Nguyên lý kỹ thuật các môn chạy
- CLO1.3 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn chạy cự ly trung bình
- CLO1.4 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn chạy cự ly ngắn
- CLO1.5 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn chạy tiếp sức
- CLO1.6 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn chạy vượt rào
- CLO2.1 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật môn chạy cự ly trung bình
- CLO2.2 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật môn chạy cự ly ngắn
- CLO2.3 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật môn chạy tiếp sức
- CLO2.4 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật môn chạy vượt rào
- CLO3.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện môn chạy cự ly trung bình
- CLO3.2 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện môn chạy cự ly ngắn
- CLO3.3 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện môn chạy tiếp sức
- CLO3.4 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy môn chạy vượt rào
- CLO4.1 *Hiểu* được luật thi đấu các môn chạy
- CLO4.2 *Thực hiện* tốt phương pháp tổ chức thi đấu các môn chạy
- CLO4.3 *Thực hiện* tốt phương pháp trọng tài thi đấu các môn chạy
- CLO5.1 *Xây dựng* được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện các môn chạy
- CLO5.2 *Triển khai thực hiện* được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện các môn chạy
- CLO5.3 *Có khả năng* phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện các môn chạy

7. POL11002: Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Mô tả học phần

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của các ngành đào tạo trình độ đại học.

Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

Mục tiêu học phần

- **CO1:** Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ đó giúp sinh viên hiểu và giải thích được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, của Đảng Cộng sản về những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- **CO2:** Bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- **CO3:** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế - chính trị, từ đó có thể phản biện được các quan điểm, tư tưởng về các vấn đề kinh tế - chính trị.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 *Giải thích* được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin.
- CLO1.2 *Vận dụng* lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề kinh tế khi tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội.
- CLO2.1 *Thể hiện* bản lĩnh chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam
- CLO3.1 *Có khả năng* phản biện các quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị

8. BIO30005: Sinh lý học thể dục thể thao

Mô tả học phần

Học phần sinh lý học TDTT là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Giáo dục thể chất. Học phần này được giảng dạy sau khi sinh viên đã học môn Giải phẫu sinh lý người và các môn học thuộc khối kiến thức chung. Sinh lý học TDTT là môn khoa học khái quát những kiến thức về sự biến đổi chức năng cơ thể trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao; cơ sở sinh lý của sự hình thành kỹ năng vận động và tổ chức thể lực; đặc điểm cơ thể xuất hiện ở các trạng thái trong tập luyện thi đấu thể thao cũng như cơ sở sinh học, sinh lý học của thể dục củng cố và tăng cường sức khỏe ở các lứa tuổi. Nghiên cứu phản ứng của cơ thể đối với các bài tập thể dục tăng cường sức khỏe và sự biến đổi chức năng sinh lý trong các bài tập thể thao

Mục tiêu học phần

Nhớ được các khái niệm về kỹ năng vận động, tổ chức thể lực, trình độ tập luyện, thích nghi thể thao. Hiểu được đặc điểm cấu tạo đơn vị vận động, năng lượng cơ cơ, sản sinh và tiêu trừ acid lactic, biến đổi chức năng sinh lý các hệ cơ quan trong các vùng cường độ, các trạng thái thể thao và bài tập thể thao; sự phát triển các tổ chức thể lực ở các lứa tuổi; đặc điểm sinh lý, khả năng vận động ở các lứa tuổi và tác dụng của một số bài tập đối với sức khỏe. Vận dụng cơ sở sinh lý của sự hình thành kỹ năng vận động, các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức vận động trong việc giảng dạy để hình thành các kỹ năng tập luyện TDTT và phát triển tổ chức vận động nhằm nâng cao thành tích thể thao và trong việc lựa chọn bài tập phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe trong việc hướng dẫn tập thể dục tăng cường sức khỏe cộng đồng. Thiết kế được chương trình đi bộ củng cố và tăng cường sức khỏe cho một lứa tuổi hay một bệnh lý bất kỳ. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành kỹ năng vận động, các trạng thái thể thao, tổ chức thể lực; các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả huấn luyện thể thao, cơ sở sinh lý của quá trình thích nghi trong tập luyện TDTT; các tiêu chuẩn sinh lý của sức khỏe trong hoạt động thể dục tăng cường sức khỏe và cơ sở sinh lý của tập luyện thể dục thể thao nhằm nâng cao thành tích và tăng cường sức khỏe.

Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1.1 Trình bày được khái niệm được khái niệm kỹ năng, kỹ xảo vận động, sức nhanh, sức mạnh, sức bền, và khái niệm các trạng thái xuất hiện trong tập luyện thi đấu thể thao.
- CLO1.2 Nêu được đặc điểm chung của các môn thể thao và đặc điểm cấu tạo của đơn vị vận động
- CLO2.1 Trình bày được đặc điểm cấu tạo đơn vị vận động, quá trình tái tổng hợp ATP thông qua 3 hệ thống năng lượng khi cơ co, sự sản sinh và tiêu trừ acid lactic trong hoạt động thể thao; cơ sở sinh lý mạch đập trong hoạt động thể thao.
- CLO2.2 Hiểu được cơ sở phân loại, phân loại được các bài tập thể thao và đặc tính sinh lý của bài tập tĩnh lực, bài tập định tính, bài tập có chu kỳ công suất thay đổi.

- CLO2.3 Phân biệt định hình động lực và ngoại suy trong thể thao. Mô tả được bản chất sinh lý và 3 giai đoạn hình thành kỹ năng vận động và sự biến đổi hệ vận chuyển oxy, hệ sử dụng oxy trong hoạt động sức bền.
- CLO2.4 Trình bày được cơ sở sinh lý và cơ chế cải thiện sức nhanh, sức mạnh, sức bền
- CLO2.5 Mô tả được cách phân loại trình độ tập luyện thông qua các chỉ tiêu sinh lý
- CLO2.6 Trình bày được đặc điểm sinh lý của cơ thể ở các trạng thái xuất hiện trong tập luyện và thi đấu thể thao
- CLO2.7 Trình bày được cơ sở sinh lý của quá trình thích nghi và ý nghĩa của cường độ và thời điểm đặt bài tập trong huấn luyện thể thao.
- CLO2.8 Trình bày được đặc điểm sinh lý, tiêu hao năng lượng và thời gian hồi phục ở các môn thể thao
- CLO2.9 Mô tả được sự phát triển các tố chất thể lực, sự biến đổi các cơ quan và khả năng vận động theo lứa tuổi ở thanh thiếu niên.
- CLO2.10 Trình bày được cơ sở sinh học của hoạt động cơ và vấn đề sức khỏe, ảnh hưởng của tập luyện TDDT lên các cơ quan và cơ thể.
- CLO2.11 Hiểu được nguyên nhân, đặc điểm, quy luật của lão hóa và đặc điểm, tác dụng của một số bài tập lên sức khỏe người cao tuổi.
- CLO2.12 Mô tả được đặc điểm phát triển hình thái, thể lực, vấn đề huấn luyện thể dục thể thao ở phụ nữ.
- CLO3.1 Từ đặc điểm biến đổi chức năng sinh lý, tìm ra quy luật biến đổi chức năng sinh lý ở 4 vùng cường độ của bài tập có chu kỳ và phân biệt trình độ tập luyện.
- CLO3.2 Vận dụng cơ sở sinh lý và các yếu tố ảnh hưởng hình thành kỹ năng vận động trong việc giảng dạy hình thành kỹ năng tập luyện các bài tập cho học sinh cũng như phát triển tố chất thể lực cho vận động viên.
- CLO3.3 Vận dụng kiến thức sinh lý học TDDT trong huấn luyện thể thao nhằm nâng cao thành tích và tăng cường sức khỏe; hạn chế xuất hiện hiện tượng cực điểm trong hoạt động thể thao.
- CLO3.4 Lựa chọn bài tập phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe trong việc hướng dẫn tập thể dục tăng cường sức khỏe cộng đồng.
- CLO3.5 Thiết kế được một số chương trình thể dục củng cố tăng cường sức khỏe cho mọi lứa tuổi.
- CLO3.6 Vận dụng sự biến đổi chức năng sinh lý thời gian hồi phục các môn thể thao trong huấn luyện thể thao và hạn chế xuất hiện hiện tượng Valsalva và hiện tượng Lindgaard trong môn thể dục dụng cụ
- CLO4.1 Phân tích mối liên hệ giữa đặc điểm đơn vị vận động vận động và tố chất thể lực.
- CLO4.2 Phân tích được đặc tính sinh lý cơ thể trong bài tập biên tốc, bài tập sức mạnh, sức mạnh tốc độ và các yếu tố ảnh hưởng đến tố chất thể lực.
- CLO4.3 Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự biến đổi chức năng sinh lý trong các trạng thái thể thao và cơ sở huấn luyện thể thao thanh thiếu niên và các yếu tố ảnh hưởng đến tố chất thể lực.
- CLO4.4 Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả huấn luyện thể thao, quá trình thích nghi và 3 giai đoạn thích nghi trong tập luyện TDDT.
- CLO4.5 Phân tích được 2 tiêu chuẩn sinh lý của sức khỏe trong hoạt động thể thao, cơ sở sinh lý tập luyện thể thao ở người cao tuổi và ở phụ nữ.
- CLO4.6 Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự biến đổi chức năng sinh lý ở các trạng thái xuất hiện trong tập luyện và thi đấu thể thao.

9. EDU: 21003: Tâm lý học

Mô tả học phần

Học phần Tâm lý học có vị trí rất quan trọng trong Chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học. Học phần cung cấp cơ sở tâm lý để hình thành tri thức, rèn luyện các kỹ năng, các giá trị, phẩm chất và phát triển năng lực nghề dạy học cho sinh viên, giúp sinh viên hoạt động có hiệu quả trong dạy học, giáo dục và tư vấn, hỗ trợ học sinh.

Mục tiêu học phần

Học phần Tâm lý học khái quát hoá được những vấn đề lý luận cơ bản, nền tảng về khoa học tâm lý, về cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học, giáo dục, về cơ sở tâm lý học của hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp, về cơ sở tâm lý của việc xây dựng môi trường giáo dục, cơ sở tâm lý của xây dựng mối quan hệ giao tiếp, ứng xử trong và ngoài nhà trường. Người học có khả năng vận dụng vào việc hình thành, trau dồi phẩm chất nhà giáo, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong việc thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh, đáp ứng được những sự đổi mới trong lĩnh vực giáo dục. Từ đó người học xác định được vai trò, trách nhiệm của người giáo viên, thực hiện dạy học, giáo dục, tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp cho học sinh một cách hiệu quả.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Trình bày những kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý (bản chất, chức năng, phân loại; nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý).
- CLO1.2 Giải thích được nguyên lý và quy luật của sự hình thành, phát triển tâm lý.
- CLO1.3 Diễn đạt được mối quan hệ giữa nhận thức - tình cảm - ý chí trong hành động và cuộc sống con người.
- CLO1.4 Phân tích được cơ sở tâm lý của quá trình dạy học và giáo dục.
- CLO1.5 Phân tích được cơ sở tâm lý học của hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực nghề nghiệp.
- CLO1.6 Phân tích các điều kiện thể chất, xã hội của học sinh và sự phát triển tâm lý theo lứa tuổi để tư vấn và hỗ trợ học sinh trong học tập, hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp
- CLO2.1 Kỹ năng hiểu và đánh giá đúng trình độ học sinh để tư vấn và hỗ trợ học sinh trong hoạt động dạy học.
- CLO2.2 Hình thành được kỹ năng thiết kế bài dạy: xác định mục đích bài dạy, nội dung dạy và học, phương tiện dạy và học, phương pháp dạy, quá trình thực hiện bài dạy.
- CLO2.3 Hình thành được lối sống đạo đức cho học sinh từ hệ thống các yếu tố tâm lý (tri thức đạo đức, niềm tin đạo đức, động cơ đạo đức, tình cảm đạo đức, ý chí đạo đức, thói quen đạo đức)
- CLO3.1 Vận dụng các kỹ năng giao tiếp (kỹ năng định hướng giao tiếp, kỹ năng nhận biết đối tượng, kỹ năng định vị, kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp, kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp) trong việc giải quyết các nhiệm vụ.

10. ENG10001: Tiếng Anh 1

Mô tả học phần

Tiếng Anh 1 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý

tương giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu học phần

- CO1 Mô tả các từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc được đề cập trong chương trình. Xác định được vấn đề ngữ pháp đơn giản, các thành tố âm tiết, ngữ âm trong các tình huống giao tiếp cơ bản
- CO2 Phân biệt được các vấn đề ngữ pháp, nguồn từ vựng đã học trong chương trình để thực hiện các tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản
- CO3 Thực hiện tương tác nhóm, làm việc nhóm, phát triển nhóm, thuyết trình kết quả hoạt động nhóm bằng tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc, phát triển các hoạt động giao tiếp hiệu quả

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Ghi nhớ được kiến thức từ vựng về các lĩnh vực quen thuộc khác nhau trong cuộc sống hàng ngày, các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CLO1.2 Nhận biết được các kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội các quốc gia trên thế giới, liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày
- CLO1.3 Viết được các loại văn bản ngắn, các dạng viết notes và email giao dịch khoảng 50 từ
- CLO1.4 Liệt kê được các thông tin trong đoạn văn bản ngắn độ khó ngữ liệu tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CLO1.5 Nhận biết âm và xác định được nội dung chính từ đoạn hội thoại giao tiếp, phỏng vấn với tốc độ chậm; Nói tiếng Anh về các lĩnh vực quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày; độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CLO2.1 Phân biệt được các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm cơ bản với độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CLO2.2 Phân tích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CLO2.3 Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Anh vào các tình huống giao tiếp cụ thể ở độ khó tiền bậc 3 theo KNNL 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- CLO2.4 Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày
- CLO2.5 Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu
- CLO3.1 Hình thành, tổ chức nhóm hiệu quả bao gồm hiểu nhiệm vụ và quy trình làm việc nhóm, trách nhiệm của nhóm, điểm mạnh điểm yếu của nhóm và từng thành viên
- CLO3.2 Triển khai hoạt động, tương tác nhóm hiệu quả bao gồm thiết lập mục tiêu và các công việc cần làm của nhóm, lên chương trình thực hiện một đề án, trao quyền cho các thành viên trong nhóm
- CLO3.3 Làm việc hiệu quả giữa các nhóm bao gồm khả năng hợp tác giữa nhóm nhỏ, nhóm lớn
- CLO3.4 Phát triển khả năng thuyết trình kết quả hoạt động nhóm logic, dễ hiểu bằng tiếng Anh (bao gồm chuẩn bị bài thuyết trình và phương tiện truyền thông hỗ trợ, trả lời câu hỏi một cách hiệu quả) về thông tin cá nhân và các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày
- CLO3.5 Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc

11. POL11003: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả học phần

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần

- Giải thích kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.
- Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội
- CLO1.2 Áp dụng lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn Việt Nam
- CLO2.1 Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- CLO2.2 Có khả năng phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

12. SPO31004: Điền kinh 2

Mô tả học phần

Học phần Điền kinh 2 là học phần cơ bản của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất; nhằm cung cấp các kiến thức về đặc điểm, kỹ thuật môn nhảy xa, phương pháp giảng dạy và huấn luyện môn nhảy xa, tổ chức và điều hành thi đấu môn nhảy xa để giúp sinh viên làm quen với cách giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến vị trí nghề nghiệp trong tương lai

Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: Hiểu được các kiến thức cơ bản về lý luận môn nhảy xa. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành môn nhảy xa. Áp dụng được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện môn nhảy xa. Áp dụng được luật môn nhảy xa, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu môn nhảy xa. Vận dụng kiến thức cơ bản môn nhảy xa để xây dựng chương trình, tổ chức, triển khai và phát triển chương trình đối với nội dung môn nhảy xa ở các cấp học phổ thông

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Nắm được khái niệm, vị trí và vai trò môn nhảy xa trong trường học, phân loại và lịch sử phát triển môn nhảy xa.
- CLO1.2 *Hiểu* được Nguyên lý kỹ thuật môn nhảy xa.
- CLO1.3 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn nhảy xa.
- CLO2.1 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật môn nhảy xa kiểu ngồi.
- CLO2.2 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật môn xa ưỡn thân.
- CLO3.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện môn nhảy xa.
- CLO4.1 *Hiểu* được luật thi đấu môn nhảy xa.
- CLO4.2 *Thực hiện* tốt phương pháp tổ chức thi đấu môn nhảy xa.
- CLO5.1 *Xây dựng* được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện môn nhảy xa.
- CLO5.2 *Triển khai thực hiện* được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện môn nhảy xa.

CLO5.3 Có khả năng phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện môn nhảy xa.

13. EDU20006: Giáo dục học

Mô tả học phần

Học phần *Giáo dục học* là học phần căn bản của Chương trình đào tạo Sư phạm. Học phần cung cấp những kiến thức nền về phương thức vận hành nhà trường, hình thành cho người học những phẩm chất và năng lực cơ bản của người giáo viên. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp, được thiết kế những tiết dạy cùng đội nhóm, được tranh biện về những tình huống trong công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn, Đội, Sao nhi đồng... Được thử thách, khám phá năng lực sư phạm của bản thân và được cố vấn để hoàn thiện những năng lực đó.

Mục tiêu học phần

Trên cơ sở giải thích được quy tắc vận hành nhà trường trong hệ thống GDQD; phân tích được vai trò của giáo dục, sứ mệnh người thầy giáo; phân tích được phương thức tổ chức hoạt động dạy học; thực hiện được nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp, phụ trách Đoàn, Đội, Sao nhi đồng ... người học có thể phát triển được chương trình GD quốc gia vào hoạt động nhà trường. Những năng lực trên được hình thành khi người học tích cực, nghiêm túc, sáng tạo tương tác trực tiếp hoặc trực tuyến với giảng viên với đồng đội.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Phân tích được kế hoạch DH, PPDH, kiểm tra – đánh giá, phát triển chương trình môn học
- CLO1.2 Phân tích được cách thức thực hiện các hoạt động GD, trải nghiệm, hướng nghiệp và văn hóa nhà trường trong công tác chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng
- CLO2.1 Giải thích được các tình huống dạy học và giáo dục (công tác chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng)
- CLO2.2 Lập được kế hoạch dạy học cho tiết học/tuần/học kì/năm học; thiết kế được bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo mẫu
- CLO2.3 Đề xuất được biện pháp thực hiện kế hoạch chủ nhiệm lớp, Đoàn, Đội, Sao nhi đồng cho từng hoạt động/tháng/học kì/năm học
- CLO2.4 Nghiêm túc, tích cực, hợp tác
- CLO3.1 Ứng xử phù hợp với các tình huống sư phạm giả định
- CLO3.2 Lựa chọn được phương tiện dạy học, giáo dục phù hợp

14. SPO30007: Thể dục 2

Mô tả học phần: Học phần Thể dục 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, kỹ năng thực hành, phương pháp giảng dạy các kỹ thuật động tác, phương pháp tập luyện môn thể dục nhịp điệu - aerobic làm cơ sở trong quá trình học tập, giảng dạy, huấn luyện, thi đấu và phát triển năng lực làm việc tập thể.

Mục tiêu học phần: Hiểu được những kiến thức về Thể dục 2 (Thể dục nhịp điệu - thể dục Aerobic). Thực hiện được các kỹ thuật môn Thể dục 2 (Thể dục nhịp điệu - thể dục Aerobic). Vận dụng được phương pháp giảng dạy, tổ chức tập luyện môn Thể dục 2 (Thể dục nhịp điệu - thể dục Aerobic) ở trường học các cấp. Vận dụng kiến thức môn Thể dục 2 (Thể dục nhịp điệu - thể dục Aerobic) vào tổ chức hoạt động thể thao trong trường học các cấp

Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1.1 Hiểu được khái niệm, mục đích, phân loại, động tác cơ bản, các bước tiến hành biên soạn Thể dục nhịp điệu
- CLO1.2 Hiểu được khái niệm, lịch sử phát triển, đặc điểm, phân loại, ý nghĩa, tác

- dụng, một số thuật ngữ cơ bản, phương pháp biên soạn, giảng dạy Thể dục Aerobic
- CLO1.3 Nắm được kiến thức môn Thể dục nhịp điệu để áp dụng vào tổ chức hoạt động thể thao trong trường học các cấp.
- CLO1.4 Nắm được kiến thức môn Thể dục Aerobic để áp dụng vào tổ chức hoạt động thể thao trong trường học các cấp.
- CLO2.1 Thực hiện được bài Thể dục nhịp điệu nữ
- CLO2.2 Thực hiện được bài Thể dục nhịp điệu nam
- CLO2.3 Thực hiện được bài Thể dục Aerobic
- CLO3.1 *Sử dụng* được phương pháp giảng dạy, tổ chức tập luyện môn Thể dục nhịp điệu ở trường học các cấp.
- CLO3.2 *Sử dụng* được phương pháp giảng dạy, tổ chức tập luyện môn Thể dục Aerobic ở trường học các cấp.
- CLO3.3 *Thể hiện* phối hợp trong việc thực hiện bài tập liên hoàn
- CLO3.4 *Thể hiện* tránh nhiệm khi được giao nhiệm vụ trong nhóm để xây dựng bài tập liên hoàn
- CLO4.1 Hình thành ý tưởng bài tập liên hoàn và thi đấu Thể dục nhịp điệu và Thể dục Aerobic ở trường học các cấp.
- CLO4.2 Thiết kế bài tập liên hoàn và thi đấu Thể dục nhịp điệu và Thể dục Aerobic ở trường học các cấp.
- CLO4.3 Triển khai tập luyện bài tập liên hoàn và thi đấu Thể dục nhịp điệu và Thể dục Aerobic ở trường học các cấp.
- CLO4.4 Vận hành và ứng dụng bài tập liên hoàn và thi đấu Thể dục nhịp điệu và Thể dục Aerobic ở trường học các cấp.
- CLO4.5 Thể hiện sự kiên trì, nhiệt tình trong giảng dạy

15. ENG10002: Tiếng Anh 2

Mô tả học phần

Tiếng Anh 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương B1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Mục tiêu học phần

- CO1 Nắm vững kiến thức tổng quan về ngôn ngữ bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh bậc 3 trong giao tiếp.
- CO2 Phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 3.
- CO3 Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, nâng cao hiệu quả hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Nêu được các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh: *verb pattern + to infinitive*;

going to, will; hiện tại hoàn thành; giới từ, đại từ quan hệ; câu điều kiện; câu bị động, câu gián tiếp; các động từ tình thái.

- CLO1.2 Phân biệt được kiến thức thông dụng trong tiếng Anh: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.*
- CLO1.3 Liệt kê được các kiến thức cơ bản về văn hóa xã hội của các nước trong khu vực và trên thế giới.
- CLO1.4 Xác định được các thông tin chính trong các bài nghe khác nhau về các chủ đề được học: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.*
- CLO1.5 Xác định được các thông tin quan trọng từ các dạng bài đọc khác nhau về các chủ đề: *các giai đoạn trong cuộc đời; công việc; công nghệ; ngôn ngữ và việc học; du lịch và các kì nghỉ; lịch sử; thiên nhiên.*
- CLO1.6 Trình bày được có loại văn bản khác nhau, viết đoạn , viết CV, viết thư trang trọng, liên quan đến các chủ đề (*du lịch, thể thao, trang phục, điện ảnh, nghề nghiệp, trường học, môi trường, giao thông, thế giới tự nhiên, chi tiêu*)
- CLO2.1 Phân biệt được các thì động từ trong tiếng Anh; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.
- CLO2.2 Phân tích các cấu trúc ngữ pháp về thì; các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện trong tiếng Anh.
- CLO2.3 Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp về thì, các loại liên từ, đại từ quan hệ; câu trực tiếp gián tiếp, bị động, chủ động; các loại câu điều kiện vào trong các giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh
- CLO2.4 Biết xử lý các tình huống phát sinh trong giao tiếp
- CLO2.5 Xây dựng thái độ học tập tích cực, năng lực tự học, tự nghiên cứu
- CLO3.1 Xác định cấu trúc, quy trình, mục đích giao tiếp
- CLO3.2 Xây dựng hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hóa xã hội phục vụ mục đích giao tiếp
- CLO3.3 Thực hiện hoạt động giao tiếp trong các tình huống quen thuộc
- CLO3.4 Nâng cao hiệu quả năng lực giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh

16. SPO30015: Bóng bàn

Mô tả học phần

Học phần Bóng bàn là học phần cơ bản nhất của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất, nhằm cung cấp các kiến thức về đặc điểm, kỹ chiến thuật Bóng bàn, phương pháp giảng dạy và huấn luyện môn Bóng bàn, tổ chức và điều hành thi đấu môn Bóng bàn, để giúp sinh viên làm quen với cách giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến vị trí nghề nghiệp trong tương lai.

Mục tiêu học phần

Hiểu được các kiến thức cơ bản về lý luận môn Bóng bàn. *Vận dụng* được các kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành môn Bóng bàn. *Áp dụng* được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện môn Bóng bàn. *Áp dụng* được luật môn Bóng bàn, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu môn Bóng bàn. *Vận dụng* kiến thức cơ bản môn Bóng bàn để xây dựng chương trình, tổ chức, triển khai và phát triển chương trình đối với nội dung môn Bóng bàn ở các cấp học phổ thông.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 *Nắm* được khái niệm, vị trí và vai trò môn Bóng bàn trong trường học, phân loại và lịch sử phát triển môn Bóng bàn
- CLO1.2 *Hiểu* được nguyên lý kỹ thuật môn Bóng bàn
- CLO1.3 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng bàn
- CLO2.1 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật vạt bóng thuận tay
- CLO2.2 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật vạt bóng trái tay
- CLO2.3 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật giao bóng
- CLO2.4 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật đỡ giao bóng
- CLO3.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật vạt bóng thuận tay
- CLO3.2 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật vạt bóng trái tay
- CLO3.3 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật giao bóng
- CLO3.4 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật đỡ giao bóng
- CLO4.1 *Hiểu* được luật thi đấu môn Bóng bàn
- CLO4.2 *Thực hiện* tốt phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng bàn
- CLO4.3 *Thực hiện* tốt phương pháp trọng tài thi đấu môn Bóng bàn
- CLO5.1 *Xây dựng* được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện môn Bóng bàn
- CLO5.2 *Triển khai thực hiện* được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện môn Bóng bàn
- CLO5.3 *Có khả năng* phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện môn Bóng bàn

17. SPO30029: Điền kinh 3

Mô tả học phần

Học phần Điền kinh 3 là học phần cơ bản của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất; nhằm cung cấp các kiến thức về đặc điểm, kỹ thuật các môn nhảy cao, ném dĩa, phương pháp giảng dạy và huấn luyện các môn nhảy cao, ném dĩa, tổ chức và điều hành thi đấu các môn nhảy cao, ném dĩa để giúp sinh viên làm quen với cách giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến vị trí nghề nghiệp trong tương lai

Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: *Hiểu* được các kiến thức cơ bản về lý luận các môn nhảy cao, ném dĩa. *Vận dụng* được các kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành các môn nhảy cao, ném dĩa. *Áp dụng* được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện các môn nhảy cao, ném dĩa. *Áp dụng* được luật các môn nhảy cao, ném dĩa, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu các môn nhảy cao, ném dĩa. *Vận dụng* kiến thức cơ bản các môn nhảy cao, ném dĩa để xây dựng chương trình, tổ chức, triển khai và phát triển chương trình đối với nội dung các môn nhảy cao, ném dĩa ở các cấp học phổ thông

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 *Nắm* được khái niệm, vị trí và vai trò các môn nhảy cao, ném dĩa trong trường học, phân loại và lịch sử phát triển các môn nhảy cao, ném dĩa
- CLO1.2 *Hiểu* được Nguyên lý kỹ thuật các môn nhảy cao, ném dĩa
- CLO1.3 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn nhảy cao
- CLO2.1 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật môn nhảy cao úp nằm nghiêng qua xà
- CLO2.2 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật môn nhảy cao úp bụng
- CLO2.3 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật môn nhảy cao lưng qua xà

- CLO2.4 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật môn ném dĩa
- CLO3.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện môn nhảy cao
- CLO3.2 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện môn đẩy tạ
- CLO4.1 *Hiểu* được luật thi đấu các môn nhảy cao, ném dĩa
- CLO4.2 *Thực hiện* tốt phương pháp tổ chức thi đấu môn nhảy cao
- CLO4.3 *Thực hiện* tốt phương pháp trọng tài thi đấu các môn ném dĩa
- CLO5.1 *Xây dựng* được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện các môn nhảy cao, ném dĩa
- CLO5.2 *Triển khai thực hiện* được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện các môn nhảy cao, ném dĩa
- CLO5.3 *Có khả năng* phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện các môn nhảy cao, ném dĩa

18. PLO11004: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Mô tả học phần

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến giáo dục đại cương của các ngành đào tạo. Học phần gồm 3 chương, trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

Mục tiêu học phần

Học phần Lịch sử Đảng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời và đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Thông qua học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giúp sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bảo vệ đường lối lãnh đạo của Đảng. Đồng thời rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng, năng lực phân tích sự kiện và đúc rút bài học kinh nghiệm.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Giải thích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.
- CLO2.1 Thể hiện bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- CLO2.2 Rèn luyện được khả năng bảo vệ đường lối của Đảng và rút bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.

19. SPO31010: Đá cầu

Mô tả học phần

Học phần Đá cầu là học phần cơ bản nhất của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất, nhằm cung cấp các kiến thức về đặc điểm, kỹ chiến thuật Đá cầu, phương pháp giảng dạy và huấn luyện môn Đá cầu, tổ chức và điều hành thi đấu môn Đá cầu, để giúp sinh viên làm quen với cách giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến vị trí nghề nghiệp trong tương lai.

Mục tiêu học phần

Hiểu được các kiến thức cơ bản về lý luận môn Đá cầu. *Vận dụng* được các kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành môn Đá cầu. *Áp dụng* được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện môn Đá cầu. *Áp dụng* được luật môn Đá cầu, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu môn Đá cầu. *Vận dụng* kiến thức cơ bản môn Đá cầu để xây dựng

chương trình, tổ chức, triển khai và phát triển chương trình đối với nội dung môn Đá cầu ở các cấp học phổ thông.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 *Nắm được* khái niệm, vị trí và vai trò môn Đá cầu trong trường học, phân loại và lịch sử phát triển môn Đá cầu
- CLO1.2 *Hiểu* được nguyên lý kỹ thuật môn Đá cầu
- CLO1.3 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Đá cầu
- CLO2.1 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật phát cầu
- CLO2.2 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật đỡ cầu
- CLO2.3 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật chuyền cầu
- CLO2.4 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật tâng cầu
- CLO3.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật phát cầu
- CLO3.2 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật đỡ cầu
- CLO3.3 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật chuyền cầu
- CLO3.4 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật tâng cầu
- CLO4.1 *Hiểu* được luật thi đấu môn đá cầu
- CLO4.2 *Thực hiện* tốt phương pháp tổ chức thi đấu môn đá cầu
- CLO4.3 *Thực hiện* tốt phương pháp trọng tài thi đấu môn đá cầu
- CLO5.1 *Xây dựng* được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện môn đá cầu
- CLO5.2 *Triển khai thực hiện* được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện môn đá cầu
- CLO5.3 *Có khả năng* phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện môn đá cầu

20. SPO30030: Trò chơi vận động

Mô tả học phần

Học phần trò chơi vận động giúp cho sinh viên hiểu những nội dung kiến thức cơ bản của môn học. Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa, tác dụng, nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật, luật thi đấu, phương pháp giảng dạy, Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Hình thành cho sinh viên tư duy logic, năng lực tự chủ trong việc xem xét các vấn đề qua thực tiễn dạy học, giáo dục ở nhà trường . Chủ động lập kế hoạch cũng như triển khai hiệu quả trong công tác hướng dẫn phong trào tập luyện môn trò chơi vận động một cách hiệu quả để nâng cao sức khỏe.Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, kế hoạch bài giảng đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy giờ học môn trò chơi vận động; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn Trò chơi vận động; Có năng lực tổ chức các trò chơi dân gian và trò chơi có khối lượng cường độ vận động.

Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: Hiểu kiến thức lý thuyết về Trò chơi vận động, thực hiện được các Trò chơi vận động,có khả năng biên soạn các trò chơi vận động Biết vận dụng các kiến thức về phương pháp dạy học Trò chơi vận động, biết vận dụng các kiến thức Trò chơi vận động vào hoạt động thể dục thể thao học các cấp.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 *Hiểu* được Vị trí và nhiệm vụ, phân loại Thể dục, Khái niệm, đặc điểm, phương pháp luyện tập của trò chơi vận động
- CLO1.2 *Hiểu* được khái niệm,lịch sử đặc điểm và phân loại trò chơi vận động ;Phương pháp giảng dạy; tổ chức thi đấu và trọng tài trò chơi vận động

- CLO1.3 Vận dụng kiến thức trò chơi vận động vào tổ chức hoạt động thể thao trong trường phổ thông, phong trào đoàn
- CLO2.1 Thực hiện được các trò chơi vận động
- CLO2.2 Có khả năng hợp tác, hình thành nhóm tập luyện các trò chơi vận động và để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong tập luyện và thi đấu thể thao
- CLO3.1 Có khả năng biên soạn được trò chơi vận động
- CLO3.2 Thực hiện triển khai các hoạt động tập luyện và thi đấu trò chơi vận động ở trường học phổ thông
- CLO4.1 Triển khai giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình tập luyện và thi đấu trò chơi vận động ở trường ở trường phổ thông
- CLO4.2 Phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong tập luyện và tổ chức trò chơi vận động ở trường phổ thông
- CLO4.3 Phân tích kết quả, đánh giá và phản hồi về tập luyện và tổ chức trò chơi vận động ở trường phổ thông

21. INF20005: ICT trong giáo dục

Mô tả học phần

Học phần *Ứng dụng ICT trong giáo dục* trang bị các kiến thức và kỹ năng về lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông cho sinh viên hệ Cử nhân Sư phạm. Nội dung học phần nhằm rèn luyện kỹ năng linh hoạt thích ứng trong thời đại kỹ nguyên số, sử dụng hiểu biết và các kỹ năng đó như là công cụ để học tập và nghiên cứu nội dung các môn học tiếp theo, ứng dụng hiệu quả kiến thức ICT trong công việc giảng dạy sau này.

Mục tiêu học phần

Học phần *Ứng dụng ICT trong giáo dục* trình bày tổng quan về ICT, chuyển đổi số trong giáo dục; Phần mềm xây dựng bài giảng điện tử; Quy trình xây dựng học liệu số; Ứng dụng LMS trong hỗ trợ dạy học và kiểm tra đánh giá; Sử dụng các công cụ công nghệ thông tin trong hỗ trợ dạy học; Quy trình thực hiện dự án học phần.

Người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch làm đề tài đồ án liên quan đến ngành học; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó, người học đưa ra định hướng học tập để ứng dụng ICT đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 *Giải thích* các khái niệm cơ bản về ICT trong bối cảnh chuyển đổi số trường học
- CLO1.2 *Trình bày* vai trò của ICT và chuyển đổi số trong giáo dục
- CLO2.1 *Thể hiện* khả năng tìm kiếm, tổng hợp thông tin từ Internet và nhiều nguồn khác nhau để xây dựng bài giảng điện tử
- CLO2.2 *Hình thành* các bước ứng dụng ICT trong xây dựng bài giảng điện tử
- CLO2.3 *Thể hiện* kỹ năng kết nối và sử dụng linh hoạt các thiết bị và phần mềm trong việc nâng cao hiệu quả dạy học
- CLO3.1 *Thể hiện* khả năng hình thành và tổ chức hiệu quả các hoạt động nhóm
- CLO3.2 *Thể hiện* kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình vấn đề thuyết phục

- CLO4.1 *Hình thành ý tưởng xây dựng học liệu số trong dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học*
- CLO4.2 *Thiết kế học liệu số trong dạy học bộ môn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trường học*
- CLO5 *Thể hiện đạo đức, tính kỉ luật, trách nhiệm, tác phong thời đại số.*

22. SPO30016: Bóng đá (đồ án)

Mô tả học phần

Học phần bóng đá chuyên ngành là học phần học ở học kỳ 5 trong khung chương trình đào tạo ngành GDTC. Học phần gồm có 60 tiết (4 TC; LT 12 tiết, thực hành 48 tiết). Học phần trang bị cho sinh viên có kiến thức hiểu biết về môn học, có kỹ năng thực hành môn bóng đá, có phương pháp giảng dạy, biết tổ chức thi đấu, trọng tài bóng đá đáp ứng mục tiêu đào tạo của ngành GDTC.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần bóng đá chuyên ngành sinh viên cần phải đạt được chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Có kiến thức về tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập kế hoạch trải nghiệm ở trường phổ thông. Từ đó giúp cho sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình học phần đáp ứng bối cảnh nghề nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 *Nắm được khái niệm, vị trí và vai trò môn Bóng đá trong trường học, phân loại và lịch sử phát triển môn Bóng đá*
- CLO1.2 *Hiểu được nguyên lý kỹ thuật môn Bóng đá*
- CLO1.3 *Hiểu được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng đá*
- CLO2.1 *Thực hiện thành thạo kỹ thuật không bóng (chạy, nhảy, di chuyển)*
- CLO2.2 *Thực hiện thành thạo kỹ thuật đá bóng cơ bản*
- CLO2.3 *Thực hiện thành thạo kỹ thuật nhận bóng, dẫn bóng*
- CLO2.4 *Thực hiện thành thạo kỹ thuật đánh đầu, ném biên*
- CLO3.1 *Sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật không bóng(chạy,nhảy,di chuyển)*
- CLO3.2 *Sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật đá bóng cơ bản*
- CLO3.3 *Sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật nhận bóng,dẫn bóng*
- CLO3.4 *Sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật đánh đầu, ném biên*
- CLO4.1 *Hiểu được luật thi đấu môn Bóng đá*
- CLO4.2 *Thực hiện tốt phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng đá*
- CLO4.3 *Thực hiện tốt phương pháp trọng tài thi đấu môn Bóng đá*
- CLO5.1 *Xây dựng được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện môn Bóng đá*
- CLO5.2 *Triển khai thực hiện được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện môn Bóng đá*
- CLO5.3 *Có khả năng phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện môn Bóng đá*

23. SPO30003: Bóng rổ-Bóng ném

Mô tả học phần

Học phần Bóng rổ - bóng ném là học phần cơ bản nhất của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất; nhằm cung cấp các kiến thức về đặc điểm, kỹ thuật môn bóng rổ

bóng ném, phương pháp giảng dạy và huấn luyện môn bóng rổ bóng ném, tổ chức và điều hành thi đấu môn bóng rổ bóng ném để giúp sinh viên làm quen với cách giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến vị trí nghề nghiệp trong tương lai

Mục tiêu học phần

Hiểu được các kiến thức cơ bản về lý luận môn bóng rổ bóng ném. *Vận dụng* được các kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành môn bóng rổ bóng ném. *Áp dụng* được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện các môn bóng rổ - bóng ném. *Áp dụng* được luật môn bóng rổ bóng ném, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu môn bóng rổ bóng ném. *Vận dụng* kiến thức cơ bản môn bóng rổ bóng ném để xây dựng chương trình, tổ chức, triển khai và phát triển chương trình đối với nội dung môn bóng rổ bóng ném ở các cấp học phổ thông

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 *Nắm* được khái niệm, vị trí và vai trò môn bóng rổ bóng ném trong trường học, phân loại và lịch sử phát triển môn bóng rổ bóng ném
- CLO1.2 *Hiểu* được Nguyên lý kỹ thuật môn bóng rổ bóng ném
- CLO1.3 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn bóng rổ
- CLO1.4 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn bóng ném
- CLO2.1 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật dẫn bóng
- CLO2.2 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật chuyên bắt bóng
- CLO2.3 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật ném rổ ném gôn
- CLO2.4 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật đột phá
- CLO3.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật dẫn bóng
- CLO3.2 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật chuyên bắt bóng
- CLO3.3 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật ném rổ, ném gôn
- CLO3.4 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy kỹ thuật đột phá
- CLO4.1 *Hiểu* được luật thi đấu môn bóng rổ bóng ném
- CLO4.2 *Thực hiện* tốt phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng rổ bóng ném
- CLO4.3 *Thực hiện* tốt phương pháp trọng tài thi đấu môn bóng rổ bóng ném
- CLO5.1 *Xây dựng* được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện môn bóng rổ bóng ném
- CLO5.2 *Triển khai thực hiện* được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện môn bóng rổ bóng ném
- CLO5.3 *Có khả năng* phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện môn bóng rổ bóng ném

24. SPO3005: Lí luận và PPDH giáo dục thể chất

Mô tả học phần

Lý luận và PP GDTC là môn khoa học khái quát những kiến thức quan trọng của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức bước đầu về chuyên ngành lý luận và phương pháp giáo dục thể chất, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện năng lực vận dụng lý luận và phương pháp GDTC một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Kiến thức môn học làm cơ sở cho sinh viên tiếp cận các môn khoa học thể dục thể thao khác như: Phương pháp giảng dạy bộ môn, Thực hành PPGD. Bên cạnh đó, lý luận và PP GDTC còn là cơ sở cho việc nghiên cứu và huấn luyện thể thao và giáo dục thể chất trường học, tập luyện thể dục củng cố và tăng

cường sức khỏe cho các lứa tuổi trong việc huấn luyện thể thao, quản lý thể thao và sức khỏe cộng đồng.

Mục tiêu học phần

Nhận biết được vị trí và vai trò của môn học và các khái niệm liên quan đến GDTC. Hiểu được các khái niệm nội dung liên quan đến hoạt động của Lý luận và phương pháp GDTC. Vận dụng một cách linh hoạt các phương pháp, phương tiện trong tổ chức dạy học GDTC một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Phân tích được các nội dung về lý luận và thực tiễn trong giảng dạy và huấn luyện thể chất trong trường học và xã hội

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Nhận biết được vị trí, vai trò của môn lý luận và PP GDTC trong Giáo dục thể chất
- CLO1.2 Nhận biết được các khái niệm liên quan đến giáo dục thể chất
- CLO2.1 Hiểu được khái niệm về các tổ chất thể lực
- CLO2.2 Hiểu được các khái niệm liên quan đến huấn luyện thể thao
- CLO2.3 Hiểu được các nhiệm vụ của giáo dục thể chất
- CLO2.4 Hiểu được đặc điểm các nguyên tắc chung của giáo dục thể chất
- CLO2.5 Hiểu được đặc điểm các phương tiện giáo dục thể chất
- CLO2.6 Hiểu được đặc điểm của các phương pháp sử dụng trong quá trình giáo dục thể chất và các nguyên tắc về phương pháp giáo dục thể chất
- CLO2.7 Hiểu được đặc điểm của kỹ năng, kỹ xảo vận động và các giai đoạn của quá trình giảng dạy động tác
- CLO2.8 Hiểu được bản chất của phương pháp giáo dục sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khéo léo
- CLO3.1 Vận dụng được các phương tiện, phương pháp, nguyên tắc trong việc giảng dạy để hình thành các kỹ năng tập luyện TDTT và phát triển tổ chất vận động
- CLO3.2 Vận dụng các bài tập phù hợp với lứa tuổi, giới tính và sức khỏe trong việc hướng dẫn tập thể dục tăng cường sức khỏe cộng đồng.
- CLO3.3 Vận dụng các kiến thức để biên soạn giáo án và tổ chức được giờ học thể dục ở trường phổ thông, thiết kế được chương trình tập luyện nâng cao sức khỏe phù hợp với người tập.
- CLO4.1 Phân tích được mục đích, nhiệm vụ và các khái niệm liên quan đến GDTC và HLTT
- CLO4.2 Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của bài tập thể chất và vai trò của các phương pháp sử dụng trong quá trình giáo dục thể chất
- CLO4.3 Phân tích được vai trò của các nguyên tắc về phương pháp giáo dục thể chất trong giáo dục thể chất
- CLO4.4 Phân tích được quy luật và cơ chế hình thành kỹ năng và kỹ xảo vận động, ý nghĩa của việc sử dụng các giai đoạn giảng dạy động tác
- CLO4.5 Phân tích được các phương pháp sử dụng trong giáo dục các tổ chất thể lực và cấu trúc buổi tập thể dục thể thao

25. SPO31027: Khiêu vũ thể thao

Mô tả học phần

Khiêu vũ thể thao cung cấp cho người học kiến thức của môn khiêu vũ thể thao làm cơ sở cho công tác giảng dạy, huấn luyện và thi đấu phong trào khiêu vũ thể thao cho học sinh phổ thông, các phong trào khiêu vũ thể thao ở các thành phố lớn. Cùng với những hiểu biết về thể thao nói chung, Thể hình - khiêu vũ thể thao còn giúp cho người học hiểu biết về kỹ thuật, chiến thuật, thể lực, luật và tổ chức thi đấu khiêu vũ thể thao.

Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: Hiểu kiến thức lý thuyết về khiêu vũ thể thao, thực hiện được các bài tập thực hành khiêu vũ thể thao, Biết vận dụng các kiến thức về phương pháp dạy học khiêu vũ thể thao, biết vận dụng các kiến thức khiêu vũ thể thao vào hoạt động thể dục thể thao học các cấp.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Hiểu được khái niệm, lịch sử đặc điểm và phân loại khiêu vũ thể thao; Các danh từ thuật ngữ cơ bản; Kỹ thuật; Phương pháp giảng dạy; tổ chức thi đấu và trọng tài khiêu vũ thể thao
- CLO1.2 Vận dụng kiến thức khiêu vũ thể thao vào tổ chức hoạt động thể thao trong trường phổ thông, phong trào đoàn
- CLO2.1 Thực hiện được bài khiêu vũ thể thao: vũ điệu Cha Cha Cha
- CLO2.2 Thực hiện được bài khiêu vũ thể thao: vũ điệu Bachata
- CLO3.1 Có khả năng hợp tác, hình thành nhóm tập luyện khiêu vũ thể thao và đề giải quyết các vấn đề nảy sinh trong tập luyện và thi đấu thể thao
- CLO3.2 Có khả năng thực hiện có hiệu quả về vấn đề tổ chức tập luyện và thi đấu khiêu vũ thể thao ở trường học phổ thông.
- CLO4.1 Thực hiện triển khai các hoạt động tập luyện và thi đấu khiêu vũ thể thao ở trường học phổ thông
- CLO4.2 Triển khai giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình tập luyện và thi đấu khiêu vũ thể thao ở trường ở trường phổ thông
- CLO4.3 Phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong tập luyện và tổ chức giải khiêu vũ thể thao ở trường phổ thông
- CLO4.4 Phân tích kết quả, đánh giá và phản hồi về tập luyện và tổ chức giải khiêu vũ thể thao ở trường phổ thông

26. PLO10002: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mô tả học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

3. Mục tiêu học phần

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, sinh viên bồi dưỡng được các phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách cũng như kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

Mục tiêu học phần

Hiểu được các kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

Bồi dưỡng được bản lĩnh, niềm tin chính trị, đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

Rèn luyện được các kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chuẩn đầu ra học phần

CLO1.1	Giải thích được nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh
--------	---

CLO1.2	<i>Giải thích được</i> định hướng và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn thực tiễn xây dựng đất nước.
CLO2.1	<i>Bồi dưỡng được</i> bản lĩnh, niềm tin chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, phong cách theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.
CLO2.2	<i>Rèn luyện được</i> kỹ năng tư duy logic, phản biện, tư duy hệ thống và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua lĩnh hội, thảo luận nội dung học phần.

27. EDU20013: Y học thể dục thể thao

Mô tả học phần

Nội dung học phần Y học thể dục thể thao bao gồm các vấn đề cơ bản sau: Trang bị cho sinh viên thành thạo các phương pháp đo đạc trên cơ thể và cách đánh giá các số liệu kiểm tra. Trang bị cho sinh viên thành thạo các phương pháp xử lý một số bệnh và một số rối loạn do hoạt động Thể dục Thể thao gây nên. Trang bị cho sinh viên thành thạo phương pháp xử lý sơ cứu ban đầu và các tai nạn thông thường, một số tổn thương do hoạt động Thể dục Thể thao gây nên.

Mục tiêu học phần

Áp dụng kiến thức những kiến thức cơ bản nhất về Y học thể dục thể thao, để có thể vận dụng trong quá trình học tập, tập luyện và ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy thể dục thể thao ở trường phổ thông. Thông qua học tập sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về kiểm tra hình thể, chức năng hoạt động của các cơ quan trong cơ thể và cũng qua đó hiểu thêm được các nguyên nhân gây bệnh tật, tai nạn trong quá trình tập luyện thể dục thể thao, để đề ra các biện pháp phòng ngừa, biết cách xử lý ban đầu các tai nạn có thể xảy ra. Vận dụng linh hoạt các kỹ năng vệ sinh, đánh giá ảnh hưởng của ngoại cảnh, hoạt động sản xuất và kết quả của tập luyện TDTT tới sức khỏe, khả năng lao động và tuổi thọ con người. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Đánh giá được vị trí, vai trò của Y học Thể dục Thể thao trong tập ,luyện Thể dục Thể thao; Đánh giá được trình trạng phát triển thể lực trẻ em, các điều kiện vệ sinh, tập luyện và xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện vệ sinh, chăm sóc sức khỏe trẻ phù hợp thực tiễn.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Biết chương trình giáo dục thể chất
- CLO1.2 Mô tả được mục tiêu, nội dung Y học Thể dục Thể thao trong chương trình giáo dục thể chất
- CLO1.3 Phân tích được đặc điểm phát triển thể chất của trẻ qua các giai đoạn.
- CLO1.4 Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện được các phương pháp sơ cứu ban đầu
- CLO1.5 Lựa chọn được các biện pháp vệ sinh nhằm tăng cường khả năng tập luyện cho vận động viên thể thao
- CLO2.1 Biết phân tích hoàn cảnh thực tiễn để lựa chọn các biện pháp tập luyện cho phù hợp.
- CLO2.2 Có khả năng vận dụng các kiến thức để giải quyết nhiệm vụ trong tập luyện Thể dục Thể thao.
- CLO2.3 Biết sử dụng các PP xử lý số liệu để xử lý các thông tin (khảo sát, điều tra, thực nghiệm)
- CLO3.1 Tích cực học tập, giao tiếp, ứng xử phù hợp, hiệu quả với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng trong hoạt rèn luyện sức khỏe.
- CLO3.2 Biết tạo lập văn bản phục vụ nhiệm vụ trong tập luyện Thể dục Thể thao.
- CLO3.3 Thuyết trình trước đám đông về công tác giáo dục sức khỏe cho cộng đồng

- CLO3.4 Phối hợp với đồng nghiệp, phụ huynh để hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong tập luyện Thể dục Thể thao.
- CLO3.5 Phối hợp với các lực lượng giáo dục trong nhà trường và xã hội để hỗ trợ hoạt động trong tập luyện Thể dục Thể thao.
- CLO4.1 Xác định vị trí, vai trò, trách nhiệm và ý nghĩa của người giáo viên đối với công tác trong tập luyện Thể dục Thể thao.
- CLO4.2 Phân tích ảnh hưởng của tập luyện Thể dục Thể thao đối với phát triển của trẻ
- CLO4.3 Xác định vai trò của tập luyện Thể dục Thể thao. trong bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục.
- CLO4.4 Xây dựng chương trình trong tập luyện Thể dục Thể thao.
- CLO4.5 Lập kế hoạch của quá trình thực hiện nhiệm vụ tập luyện Thể dục Thể thao trong hoạt động nghề nghiệp

28. SPO30014: Bơi

Mô tả học phần

Bơi một trong những môn học cơ bản của các môn học thực hành trong hệ thống Giáo dục thể chất ở các trường Đại học, cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp. Nội dung bao gồm. Phần thực hành và lý thuyết. Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các kiểu bơi, những kỹ năng cơ bản về cứu đuối. Phương pháp giảng dạy bơi, phát triển năng lực làm việc tập thể.

Mục tiêu học phần

Nắm được các kiến thức cơ bản về lý luận môn Bơi lội. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành môn Bơi. Áp dụng được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện môn Bơi. Áp dụng được luật môn Bơi, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu môn Bơi. Vận dụng kiến thức cơ bản môn Bơi để xây dựng chương trình, tổ chức, triển khai và phát triển chương trình đối với nội dung môn Bơi lội ở các cấp học phổ thông.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Nắm vững được khái niệm, vị trí và vai trò môn Bơi trong trường học, phân loại và lịch sử phát triển môn Bơi
- CLO1.2 Hiểu được nguyên lý kỹ thuật môn Bơi
- CLO1.3 Nắm được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bơi
- CLO2.1 Thực hiện thành thạo kỹ thuật bơi ếch
- CLO2.2 Thực hiện thành thạo kỹ thuật bơi trườn sấp
- CLO3.1 Sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật bơi ếch
- CLO3.2 Sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật bơi trườn sấp
- CLO4.1 Hiểu được luật thi đấu môn Bơi lội
- CLO4.2 Thực hiện tốt phương pháp tổ chức thi đấu môn Bơi
- CLO4.3 Thực hiện tốt phương pháp trọng tài thi đấu môn Bơi
- CLO5.1 Xây dựng được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện môn Bơi
- CLO5.2 Triển khai thực hiện được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện môn Bơi lội
- CLO5.3 Có khả năng phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện môn Bơi

29. SPO30008: Bóng chuyền (dự án)

Mô tả học phần

Học phần bóng chuyền chuyên ngành là học phần học ở học kỳ 6 trong khung chương trình đào tạo ngành GDTC. Học phần gồm có 60 tiết (4 TC; LT 12 tiết, thực hành 48 tiết). Học phần trang bị cho sinh viên có kiến thức hiểu biết về môn học, có kỹ năng thực hành môn bóng chuyền, có phương pháp giảng dạy, biết tổ chức thi đấu, trọng tài bóng chuyền đáp ứng mục tiêu đào tạo của ngành GDTC.

Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần bóng chuyền chuyên ngành sinh viên cần phải đạt được chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Có kiến thức về tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp thông qua việc lập kế hoạch trải nghiệm ở trường phổ thông. Từ đó giúp cho sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình học phần đáp ứng bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Hiểu được khái niệm, vị trí và vai trò môn Bóng chuyền trong trường học, phân loại và lịch sử phát triển môn Bóng chuyền
- CLO1.2 *Hiểu* được nguyên lý kỹ thuật môn Bóng chuyền
- CLO1.3 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Bóng chuyền
- CLO2.1 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật không bóng (chạy, nhảy, di chuyển)
- CLO2.2 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật bóng chuyền cơ bản
- CLO2.3 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng
- CLO2.4 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật phát bóng, đỡ phát bóng
- CLO3.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật không bóng(chạy, nhảy, di chuyển)
- CLO3.2 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật bóng chuyền cơ bản
- CLO3.3 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng
- CLO3.4 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật phát bóng, đỡ phát bóng
- CLO4.1 *Hiểu* được luật thi đấu môn Bóng chuyền
- CLO4.2 *Thực hiện* tốt phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng chuyền
- CLO4.3 *Thực hiện* tốt phương pháp trọng tài thi đấu môn Bóng chuyền
- CLO5.1 *Xây dựng* được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện môn Bóng chuyền
- CLO5.2 *Triển khai thực hiện* được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện môn Bóng chuyền
- CLO5.3 *Có khả năng* phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện môn Bóng chuyền

30. SPO3109: Cầu lông

Mô tả học phần

Đây là môn học quan trọng của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất; nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức về các nội dung kỹ thuật, rèn luyện thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu-trọng tài môn Cầu lông; đồng thời giúp sinh viên rèn luyện năng lực sử dụng kiến thức vào thực tiễn một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Mục tiêu học phần

Nắm được các kiến thức cơ bản về lý luận môn Cầu lông. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành môn Cầu lông. Áp dụng được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện môn Cầu lông. Áp dụng được luật môn Cầu lông, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu môn Cầu lông. Vận dụng kiến thức cơ bản môn Cầu lông để xây dựng chương trình, tổ chức, triển khai và phát triển chương trình đối với nội dung môn Cầu lông ở các cấp học phổ thông.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Nắm được khái niệm, vị trí và vai trò môn Cầu lông trong trường học, phân loại và lịch sử phát triển môn Cầu lông
- CLO1.2 Hiểu được nguyên lý kỹ thuật môn Cầu lông
- CLO1.3 Hiểu được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Cầu lông
- CLO2.1 Thực hiện thành thạo kỹ thuật di chuyển trong môn cầu lông
- CLO2.2 Thực hiện thành thạo kỹ thuật phòng thủ trong môn cầu lông
- CLO2.3 Thực hiện thành thạo kỹ thuật phát cầu
- CLO2.4 Thực hiện thành thạo kỹ thuật tấn công trong môn cầu lông
- CLO3.1 Sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật di chuyển trong môn cầu lông
- CLO3.2 Sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật phòng thủ trong môn cầu lông
- CLO3.3 Sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật phát cầu
- CLO3.4 Sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật tấn công trong môn cầu lông
- CLO4.1 Nắm được luật thi đấu môn Cầu lông
- CLO4.2 Thực hiện tốt phương pháp tổ chức thi đấu môn Cầu lông
- CLO4.3 Thực hiện tốt phương pháp trọng tài thi đấu môn Cầu lông
- CLO5.1 Xây dựng được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện môn Cầu lông
- CLO5.2 Triển khai thực hiện được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện môn Cầu lông
- CLO5.3 Có khả năng phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện môn Cầu lông

31. SPO30012: Tâm lý học thể dục thể thao

Mô tả học phần

Học phần *Tâm lý học thể dục thể thao* là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Giáo dục thể chất. Học phần này được giảng dạy sau khi sinh viên đã học môn Tâm lý học đại cương và các môn học thuộc khối kiến thức chung. *Tâm lý học thể dục thể thao* là một chuyên ngành của tâm lý học có nhiệm vụ góp phần đặt cơ sở khoa học cho việc tối ưu hoạt động thể dục thể thao, là một trong những cơ sở khoa học của hoạt động này. *Tâm lý học thể dục thể thao* cung cấp cho người học những tri thức về những hiện tượng tâm lý được hình thành và biểu hiện trong hoạt động thể thao nói chung, giúp người học nắm được quy luật ảnh hưởng của các hiện tượng tâm lý đến hoạt động thể thao. Cùng với những hiểu biết về tâm lý con người trong hoạt động thể thao, *Tâm lý học thể dục thể thao* còn giúp người học xác định cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục thể chất, của hoạt động luyện tập và thi đấu thể thao cũng như những yêu cầu tâm lý của các lĩnh vực hoạt động này.

Mục tiêu học phần

Nắm được các quy luật hình thành biểu hiện và điều khiển tâm lý trong hoạt động thể thao và GDTC. Biết vận dụng kiến thức về TLH vào tổ chức hoạt động giảng dạy và

huấn luyện thể thao phù với đặc điểm tâm lý của đối tượng. Có khả năng tham gia làm việc nhóm và hợp tác nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ trong học tập cũng như trong hoạt động TT nói chung. Có khả năng nghiên cứu thực tiễn hoạt động huấn luyện và giảng dạy, phát hiện và hiểu được đặc điểm tâm lý cũng như vận dụng kiến thức TLH vào tổ chức hoạt động một cách có hiệu quả

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Xác định được cơ sở tâm lý học của hoạt động thể dục, thể thao; hoạt động giáo dục thể chất; yêu cầu tâm lý của hoạt động sư phạm trong lĩnh vực GDTC
- CLO1.2 Xác định được các đặc điểm tâm lý hoạt động thể dục, thể thao; hiểu biết về đặc điểm tâm lý của cá nhân và tập thể thể thao
- CLO1.3 Phân tích được đặc trưng của hoạt động GDTC, các yếu tố tâm lý của hoạt động thể thao; đặc điểm và yêu cầu tâm lý của các quá trình giảng dạy kỹ thuật vận động, huấn luyện thể lực và huấn luyện thi đấu
- CLO2.1 Biết thiết kế các hình thức hoạt động trong GDTC và huấn luyện thể thao
- CLO2.2 Vận dụng những hiểu biết về tâm lý thể dục thể thao vào giảng dạy GDTC;
- CLO2.3 Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cũng như hoạt động huấn luyện thể thao
- CLO2.4 Thể hiện ý thức trong học tập, rèn luyện theo mô hình nhân cách của người giáo viên giáo dục thể chất
- CLO2.5 Lập kế hoạch tự bồi dưỡng, học tập để trau dồi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, phát triển năng lực nghề nghiệp
- CLO3.1 Thực hành khả năng hợp tác để hoàn thành các nhiệm vụ trong học tập cũng như trong hoạt động thể thao nói chung
- CLO3.2 Rèn luyện khả năng xây dựng và báo cáo về sản phẩm hoạt động sau khi tương tác nhóm
- CLO4.1 Thể hiện vai trò, trách nhiệm của bản thân trong hoạt động GD tăng cường phát triển sức khỏe thể chất
- CLO4.2 Nhận biết được vị trí, vai trò hoạt động GD tăng cường phát triển sức khỏe thể chất cũng như hoạt động thể thao đối với xã hội
- CLO4.3 Xác định mục tiêu cụ thể cho công tác giáo dục, củng cố và phát triển sức khỏe cho HS trong GDTC; Biết lựa chọn và xây dựng các nội dung rèn luyện GDTC nhằm góp phần giáo dục toàn diện thể hệ trẻ đáp ứng yêu cầu xã hội
- CLO4.4 Biết xây dựng mục tiêu nội dung và phương pháp, phương tiện và lựa chọn các hình thức dạy học đáp ứng yêu cầu GDTC trong các nhà trường PT
- CLO4.5 Biết phát hiện và xử lý các tình huống nảy sinh trong công tác GDTC và huấn luyện thể thao
- CLO4.6 Thể hiện vai trò, trách nhiệm của bản thân trong hoạt động GD tăng cường phát triển sức khỏe thể chất và huấn luyện thể thao

32. SPO30013: Võ thuật

Mô tả học phần

Học phần Võ thuật (Taekwondo) là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Giáo dục thể chất. Taekwondo cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản, kỹ năng thực hành, phương pháp giảng dạy các kỹ thuật động tác, phương pháp tập luyện môn thể dục Taekwondo làm cơ sở trong quá trình học tập, giảng dạy, huấn luyện, thi đấu và phát triển năng lực làm việc tập thể. Cùng với những hiểu biết về thể thao nói chung, Taekwondo còn giúp cho người học hiểu biết về kỹ thuật, chiến thuật, thể lực, luật và tổ chức thi đấu môn Taekwondo ở các cấp học.

Mục tiêu học phần

Hiểu được các kiến thức cơ bản về lý luận môn Taekwondo. *Vận dụng* được các kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành môn Taekwondo. *Áp dụng* được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện môn Taekwondo. *Áp dụng* được luật môn Taekwondo, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu môn Taekwondo. *Vận dụng* kiến thức cơ bản môn Taekwondo để xây dựng chương trình, tổ chức, triển khai và phát triển chương trình đối với nội dung môn Taekwondo ở các cấp học phổ thông.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 *Nắm* được khái niệm, vị trí và vai trò môn Taekwondo trong trường học, phân loại và lịch sử phát triển môn Taekwondo
- CLO1.2 *Hiểu* được nguyên lý kỹ thuật môn Taekwondo
- CLO1.3 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Taekwondo
- CLO2.1 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật phòng thủ(đỡ)
- CLO2.2 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật tấn
- CLO2.3 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật đâm
- CLO2.4 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật đá
- CLO2.5 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật đối luyện
- CLO2.6 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật quyền
- CLO3.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật phòng thủ (đỡ) cơ bản
- CLO3.2 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật tấn
- CLO3.3 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật đâm
- CLO3.4 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật đá
- CLO3.5 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật đối luyện
- CLO3.6 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật quyền
- CLO4.1 *Hiểu* được luật thi đấu môn Taekwondo
- CLO4.2 *Thực hiện* tốt phương pháp tổ chức thi đấu môn Taekwondo
- CLO4.3 *Thực hiện* tốt phương pháp trọng tài thi đấu môn Taekwondo
- CLO5.1 *Xây dựng* được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện môn Taekwondo
- G5.2 *Triển khai thực hiện* được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện môn Taekwondo
- G5.3 *Có khả năng* phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện môn Taekwondo

33. SPO31022: Cờ vua

Mô tả học phần

Đây là môn học quan trọng của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức về môn học Cờ vua và phương pháp giảng dạy, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện năng lực sử dụng kiến thức vào thực tiễn một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Mục tiêu học phần

Trình bày được lịch sử ra đời, tác dụng và những tri thức cơ bản về môn học Cờ vua. Triển khai được ván đấu Cờ vua và thực hiện tốt giai đoạn khai cuộc. Thực hiện được các giai đoạn của ván đấu. Hiểu và mô tả được phương pháp tổ chức và trọng tài cờ Vua. Tổ chức thi đấu trọng tài môn Cờ Vua thuần thực

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Trình bày được lịch sử ra đời, xu hướng phát triển và tác dụng của môn Cờ Vua
- CLO1.2 *Trình bày* được các tri thức cơ bản trong Cờ Vua

- CLO1.3 Mô tả được cách vận dụng một số điều luật Cờ vua
- CLO2.1 *Triển khai được ván đấu Cờ Vua*
- CLO2.2 Sử dụng thuần thục các tri thức cơ bản trong Cờ Vua
- CLO2.3 Hiểu được nguyên lý kỹ thuật cờ tàn, các dạng cờ tàn
- CLO2.4 *Thực hiện được các bài tập cờ tàn cơ bản*
- CLO3.1 Hiểu được kỹ thuật khai cuộc. Phân loại được các dạng khai cuộc
- CLO3.2 Sử dụng được một số dạng khai cuộc cơ bản, có kỹ năng lập kế hoạch cho trung cuộc
- CLO3.3 Hiểu được đặc điểm của giai đoạn trung cuộc. Nhận biết được 15 dạng thức đòn phổ hợp trong Cờ Vua
- CLO3.4 Hiểu được phương pháp giảng dạy các giai đoạn của ván đấu Cờ Vua
- CLO4.1 Hiểu được luật thi đấu cờ vua và luật thi đấu theo hệ Thụy Sĩ
- CLO4.2 Thực hiện được bốc thăm thi đấu theo hệ Thụy Sĩ cho các nhóm VĐV
- CLO4.3 Thuần thục phương pháp tổ chức và thi đấu Cờ Vua

34. SPO31017: Thể thao trường học

Mô tả học phần

Học phần *Thể thao trường học* là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Giáo dục thể chất. Học phần này được giảng dạy sau khi sinh viên đã học các môn học thuộc khối kiến thức chung và kiến thức cơ sở ngành. *Thể thao trường học* là một học phần của ngành Giáo dục thể chất nhằm giúp cho người học hiểu được vai trò, mục tiêu và nhiệm vụ của thể thao trường học; nắm được đặc điểm các hoạt động thể thao khác nhau được phổ biến trong trường học; trang bị những kiến thức và kỹ năng để tổ chức hoạt động thể thao trong trường học.

Mục tiêu học phần

Nắm vững cơ sở lý luận, nhiệm vụ, phương tiện và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo. Vận dụng kiến thức cơ bản để giáo dục thể chất cho học sinh phổ thông. Vận dụng kiến thức cơ bản để giáo dục thể chất cho sinh viên đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Nắm được khái quát chung về giáo dục thể chất trong trường học và cơ sở lý luận của giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo
- CLO1.2 Nắm được nhiệm vụ, phương tiện, phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo
- CLO2.1 Nắm được cơ sở lý luận của giáo dục thể chất đối với học sinh phổ thông
- CLO2.2 Nắm vững mục đích, nhiệm vụ và cụ thể hoá các nguyên tắc trong giáo dục thể chất đối với học sinh phổ thông
- CLO2.3 Nắm vững đặc điểm cơ bản của phương pháp giảng dạy động tác và giáo dục các tố chất thể lực đối với học sinh phổ thông
- CLO2.4 Xây dựng được giờ học thể dục thể thao, kế hoạch giảng dạy, phương pháp tổ chức và đánh giá
- CLO3.1 Nắm vững mục đích và nhiệm vụ giáo dục thể chất cho sinh viên đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp
- CLO3.2 Nắm vững hệ thống điều hành, đặc điểm sử dụng phương tiện và phương pháp giáo dục thể chất cho sinh viên đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp

35. SPO30024: Quần vợt

Mô tả học phần: Đây là môn học quan trọng của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức bước đầu về môn quần vợt chuyên

ngành và phương pháp giảng dạy, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện năng lực sử dụng kiến thức vào thực tiễn một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Mục tiêu học phần: Hiểu được các kiến thức cơ bản về lý luận môn Quần vợt. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành môn Quần vợt. Áp dụng được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện môn Quần vợt. Áp dụng được luật môn Quần vợt, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu môn Quần vợt. Vận dụng kiến thức cơ bản môn Quần vợt để xây dựng chương trình, tổ chức, triển khai và phát triển chương trình đối với nội dung môn Quần vợt ở các cấp học phổ thông.

Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1.1 *Nắm* được khái niệm, vị trí và vai trò môn Quần vợt trong trường học, phân loại và lịch sử phát triển môn Quần vợt
- CLO1.2 *Hiểu* được nguyên lý kỹ thuật môn Quần vợt
- CLO1.3 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn Quần vợt
- CLO2.1 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật đánh bóng thuận tay
- CLO2.2 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật đánh bóng trái tay
- CLO2.3 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật cắt bóng
- CLO2.4 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật giao bóng
- CLO3.1 Có khả năng hợp tác, hình thành nhóm tập luyện quần vợt và để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong tập luyện và thi đấu thể thao.
- CLO3.2 Có khả năng thực hiện có hiệu quả về vấn đề tổ chức tập luyện và thi đấu quần vợt ở trường học phổ thông.
- CLO4.1 Thực hiện triển khai các hoạt động tập luyện và thi đấu quần vợt ở trường học phổ thông
- CLO4.2 Triển khai giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình tập luyện và thi đấu quần vợt ở trường ở trường phổ thông
- CLO4.3 Phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong tập luyện và tổ chức giải quần vợt ở trường phổ thông
- CLO4.4 Phân tích kết quả, đánh giá và phản hồi về tập luyện và tổ chức giải quần vợt ở trường phổ thông
- CLO5.1 *Xây dựng* được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện môn Quần vợt
- CLO5.2 *Triển khai thực hiện* được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện môn Quần vợt
- CLO5.3 *Có khả năng* phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện môn Quần vợt

36. SPO31025: Thực hành PPDH GDTC (dự án)

1. Mô tả học phần

Học phần Thực hành PPDH Giáo dục thể chất là học phần quan trọng trong khối kiến thức và lập luận ngành của chương trình đào tạo cử nhân GDTC. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp liên quan trực tiếp tới công tác giảng dạy môn GDTC như: soạn giáo án, thuyết trình, phương pháp giảng dạy, xử lý tình huống sư phạm; sinh viên được trực tiếp thực hành giảng dạy các nội dung theo phân phối chương trình Thể dục cấp THPT và thực hiện dự án học phần về lĩnh vực phương pháp giảng dạy Giáo dục thể chất tại trường phổ thông; từ đó, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch hành động cho thực tập và giảng dạy trong tương lai.

2. Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung

Học phần Thực hành PPDH Giáo dục thể chất hình thành cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng thực dụng về phương pháp giảng dạy môn GDTC; cách thức thực hiện dự án học phần. Người học thể hiện kỹ năng tư duy phản biện, tư duy hệ thống, giải quyết và sáng tạo, kỹ năng dạy học, kỹ năng giao tiếp đa phương thức thông qua việc thực hành PPDH và thực hiện DAHP; có khả năng vận dụng kiến thức về các môn Thể thao tổng hợp, về kế hoạch, PPDH, kiểm tra - đánh giá, phát triển chương trình môn học, kiến thức nâng cao về PPDH Giáo dục thể chất trong việc xây dựng kế hoạch bài học và tiến trình lên lớp môn Giáo dục thể chất; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển dự án học phần. Từ đó, người học thể hiện được phong cách nhà giáo, phân tích được bối cảnh xã hội và nhà trường, hình thành được năng lực về PPDH Giáo dục thể chất đáp ứng yêu cầu công việc và bối cảnh nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Vận dụng kiến thức về các môn thể thao tổng hợp trong thực hành PPDH GDTC và thực hiện DAHP
- CLO1.2 Vận dụng kiến thức về kế hoạch, phương pháp dạy học, kiểm tra – đánh giá, phát triển chương trình môn học và kiến thức nâng cao về PPDH GDTC trong thực hiện kế hoạch bài học
- CLO2.1 Thể hiện kỹ năng tư duy phản biện, tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc dự giờ, phân tích, đánh giá các tiết dạy của bạn cùng lớp và làm việc nhóm
- CLO2.2 Vận dụng kỹ năng dạy học, kỹ năng giao tiếp đa phương thức; Thể hiện phong cách nhà giáo trong thực hành PPDH GDTC và thực hiện DAHP
- CLO3.1 Thể hiện năng lực phân tích bối cảnh xã hội với giáo dục phổ thông; phân tích bối cảnh nhà trường với hoạt động dạy học, giáo dục thông qua thực hiện dự án học phần
- CLO3.2 Hình thành ý tưởng cho hoạt động dạy học, giáo dục thông qua xây dựng đề cương dự án học phần
- CLO3.3 Thiết kế hoạt động dạy học, giáo dục thông qua triển khai chi tiết đề cương dự án học phần
- CLO3.4 Triển khai thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục thông qua thực hiện dự án học phần
- CLO3.5 Phát triển dự án học phần; cải tiến hoạt động dạy học, giáo dục thông qua xây dựng bản kế hoạch hành động chuẩn bị cho thực tập

37. Tự chọn*

38. SPO31028: Đồ án tốt nghiệp

Mô tả phọc phần

Đồ án tốt nghiệp trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng tổng quát trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học TĐTT và nghiên cứu một đề tài khoa học, sáng kiến kinh nghiệm hoặc bài báo khoa học trong thực tiễn hoạt động TĐTT. Đồ án tốt nghiệp kiểm tra việc nắm vững toàn bộ những kiến thức, kỹ năng tích lũy trong suốt quá trình học để vận dụng vào việc nghiên cứu thực tế như: Lựa chọn vấn đề cần nghiên cứu, phân tích thực trạng các vấn đề cần nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và bàn luận, kết luận và kiến nghị.

Mục tiêu học phần

Sau khi trang bị cho sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục thể chất và thể thao; Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức về nghiên cứu khoa học vào trong lĩnh vực giáo dục thể chất và thể thao nhằm hoàn thành các nhiệm vụ như nghiên cứu đề tài, viết sáng kiến kinh nghiệm hoặc bài báo khoa học, góp phần phát triển thể chất và nâng cao hiệu quả dạy học ở trường phổ thông.

Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1.1 Vận dụng được các kiến thức liên quan đến hoạt nghiên cứu khoa học
- CLO1.2 Vận dụng được kiến thức về NCKH trong việc xây dựng các nội dung trong đề án tốt nghiệp
- CLO2.1 Áp dụng được phương tiện và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục thể chất
- CLO2.2 Ứng dụng các phần mềm để xử lý số liệu thống kê
- CLO3.1 Thể hiện kỹ năng thực hành nghiên cứu thực nghiệm chuyên ngành
- CLO3.2 Thể hiện kỹ năng tham gia vào nhóm nghiên cứu
- CLO4.1 Phân tích được đặc điểm của đối tượng nghiên cứu
- CLO4.2 Phân tích được phạm vi nghiên cứu
- CLO4.3 Hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học để thực hiện việc làm đề tài.
- CLO4.4 Thiết kế kế hoạch nghiên cứu khoa học vào viết sáng kiến kinh nghiệm
- CLO4.5 Triển khai vấn đề nghiên cứu khoa học và viết bài báo khoa học
- CLO4.6 Ứng dụng, phát triển sản phẩm nghiên cứu

***37. Tự chọn**

37.1. SPO31018: Bóng chuyên nâng cao

Mô tả học phần: Học phần Bóng chuyên nâng cao là học phần cơ bản nhất của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất; nhằm cung cấp các kiến thức nâng cao về phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện các môn Bóng chuyên cơ bản trong trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp và các tổ chức phong trào thể dục thể thao quần chúng cũng như chuyên nghiệp. Trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức và điều hành thi đấu các nội dung điền kinh; từ đó giúp sinh viên làm quen với cách giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến vị trí nghề nghiệp trong tương lai

Mục tiêu học phần: Hiểu được các kiến thức cơ bản về lý luận Bóng chuyên nâng cao. Vận dụng được các kiến thức nâng cao về kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật môn Bóng chuyên. Áp dụng được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện môn Bóng chuyên ở mức độ chuyên môn hóa cao. Áp dụng được luật Bóng chuyên, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu Bóng chuyên ở nhiều cấp độ khác nhau

Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1.1 **Nắm được kiến thức lý luận phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện nâng cao môn Bóng chuyên**
- CLO1.2 **Nắm được luật thi đấu môn Bóng chuyên đang hiện hành**
- CLO1.3 **Nắm được kiến thức lý luận phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng chuyên của các cấp thi đấu ở địa phương và khu vực trong toàn quốc**
- CLO1.4 **Xây dựng được chương trình và phát triển chương trình đối với nội dung môn Bóng chuyên ở các cấp học phổ thông, các trường chuyên nghiệp**
- CLO1.5 **Xây dựng được chương trình huấn luyện và phát triển chương trình huấn luyện đối với nội dung môn Bóng chuyên ở các cấp phong trào và các Trung tâm đào tạo thể dục thể thao**
- CLO2.1 **Thực hiện thành thạo ở mức kỹ xảo kỹ thuật đập bóng**

- CLO2.2 *Thực hiện* thành thạo ở mức kỹ xảo kỹ thuật chắn bóng
- CLO2.3 *Thực hiện* thành thạo ở mức kỹ xảo kỹ thuật đỡ phát bóng
- CLO3.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật đập bóng
- CLO3.2 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật chắn bóng
- CLO3.3 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện đỡ phát bóng
- CLO3.4 *Sử dụng* thành thạo phương pháp huấn luyện các tố chất thể lực
- CLO4.1 *Hiểu* được luật thi đấu môn Bóng chuyền
- CLO4.2 *Thực hiện* tốt phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng chuyền
- CLO4.3 *Thực hiện* tốt phương pháp trọng tài thi đấu môn Bóng chuyền
- CLO5.1 *Xây dựng* được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện môn Bóng chuyền
- CLO5.2 *Triển khai thực hiện* được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện môn Bóng chuyền
- CLO5.3 *Có khả năng* phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện môn Bóng chuyền

37.2.SPO31019: Bóng đá nâng cao

Mô tả học phần: Học phần Bóng đá nâng cao là học phần cơ bản nhất của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất; nhằm cung cấp các kiến thức nâng cao về phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện các môn Bóng đá cơ bản trong trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp và các tổ chức phong trào thể dục thể thao quần chúng cũng như chuyên nghiệp. Trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức và điều hành thi đấu bóng đá; từ đó giúp sinh viên làm quen với cách giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến vị trí nghề nghiệp trong tương lai

Mục tiêu học phần: *Hiểu* được các kiến thức cơ bản về lý luận Bóng đá nâng cao. *Vận dụng* được các kiến thức nâng cao về kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật môn Bóng đá. *Áp dụng* được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện môn Bóng đá ở mức độ chuyên môn hóa cao. *Áp dụng* được luật Bóng đá, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu Bóng đá ở nhiều cấp độ khác nhau.

Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1.1 *Nắm* được kiến thức lý luận phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện nâng cao môn Bóng đá
- CLO1.2 *Nắm* được luật thi đấu môn Bóng đá đang hiện hành
- CLO1.3 *Nắm* được kiến thức lý luận phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng đá của các cấp thi đấu ở địa phương và khu vực trong toàn quốc
- CLO1.4 *Xây dựng* được chương trình và phát triển chương trình đối với nội dung môn Bóng đá ở các cấp học phổ thông, các trường chuyên nghiệp
- CLO1.5 *Xây dựng* được chương trình huấn luyện và phát triển chương trình huấn luyện đối với nội dung môn Bóng đá ở các cấp phong trào và các Trung tâm đào tạo thể dục thể thao
- CLO2.1 *Thực hiện* thành thạo ở mức kỹ xảo kỹ thuật đá bóng
- CLO2.2 *Thực hiện* thành thạo ở mức kỹ xảo chiến thuật tấn công
- CLO2.3 *Thực hiện* thành thạo ở mức kỹ xảo chiến thuật phòng thủ
- CLO3.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật đá bóng
- CLO3.2 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện chiến thuật tấn công
- CLO3.3 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện chiến thuật phòng thủ
- CLO3.4 *Sử dụng* thành thạo phương pháp huấn luyện các tố chất thể lực
- CLO4.1 *Hiểu* được luật thi đấu môn Bóng đá
- CLO4.2 *Thực hiện* tốt phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng đá
- CLO4.3 *Thực hiện* tốt phương pháp trọng tài thi đấu môn Bóng đá

- CLO5.1 *Xây dựng* được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện môn Bóng đá
- CLO5.2 *Triển khai thực hiện* được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện môn Bóng đá
- CLO5.3 *Có khả năng* phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện môn Bóng đá

37.3. SPO31020: Bóng rổ nâng cao

Mô tả học phần: Học phần Bóng rổ nâng cao là học phần tự chọn của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất; nhằm cung cấp các kiến thức về đặc điểm, kỹ thuật các môn bóng rổ, phương pháp giảng dạy và huấn luyện các môn Bóng rổ, tổ chức và điều hành thi đấu các môn Bóng rổ, phương pháp giảng dạy và huấn luyện bóng rổ một cách bài bản nhất. Giúp sinh viên làm quen với cách giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến vị trí nghề nghiệp trong tương lai

Mục tiêu học phần: *Hiểu* được các kiến thức cơ bản về lý luận môn bóng rổ. *Vận dụng* được các kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành môn bóng rổ. *Áp dụng* được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện các môn bóng rổ. *Áp dụng* được luật môn bóng rổ, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu môn bóng rổ. *Vận dụng* kiến thức cơ bản môn bóng rổ để xây dựng chương trình, tổ chức, triển khai và phát triển chương trình đối với nội dung môn bóng rổ ở các cấp học phổ thông

Chuẩn đầu ra học phần:

- G1.1 *Nắm* được khái niệm, vị trí và vai trò môn bóng rổ trong trường học, phân loại và lịch sử phát triển môn bóng rổ bóng ném
- G1.2 *Hiểu* được Nguyên lý kỹ thuật môn bóng rổ
- G1.3 *Hiểu* được kỹ thuật, phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn bóng rổ
- G2.1 *Thực hiện* thành thạo các kỹ thuật dẫn bóng
- G2.2 *Thực hiện* thành thạo các kỹ thuật chuyên bắt bóng
- G2.3 *Thực hiện* thành thạo các kỹ thuật ném rổ
- G2.4 *Thực hiện* thành thạo các kỹ thuật đột phá
- G3.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật dẫn bóng
- G3.2 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật chuyên bắt bóng
- G3.3 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật ném rổ
- G3.4 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy kỹ thuật đột phá
- G4.1 *Hiểu* được luật thi đấu môn bóng rổ
- G4.2 *Thực hiện* tốt phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng rổ
- G4.3 *Thực hiện* tốt phương pháp trọng tài thi đấu môn bóng rổ
- G5.1 *Xây dựng* được nội dung chương trình giảng dạy, huấn luyện môn bóng rổ
- G5.2 *Triển khai thực hiện* được nội dung chương trình giảng dạy, nội dung huấn luyện môn bóng rổ
- G5.3 *Có khả năng* phát triển chương trình đối với nội dung giảng dạy và huấn luyện môn bóng rổ

37.4. SPO31021: Cầu lông nâng cao

Mô tả học phần: Đây là môn học quan trọng của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất; nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức về các nội dung kỹ thuật, rèn luyện thể lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu-trọng tài môn Cầu lông; đồng thời giúp sinh viên rèn luyện năng lực sử dụng kiến thức vào thực tiễn một cách có hiệu quả nhất trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Mục tiêu học phần: Nắm được các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lý luận môn Cầu lông. Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về kỹ năng, kỹ xảo thực hành môn Cầu lông. Áp dụng được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện môn Cầu lông ở mức độ chuyên môn hóa cao. Áp dụng được luật môn Cầu lông, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu môn Cầu lông ở nhiều giải đấu ở cấp độ khác nhau.

Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1.1 Nắm được kiến thức lý luận phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện nâng cao môn Cầu lông
- CLO1.2 Nắm được luật thi đấu môn Cầu lông đang hiện hành
- CLO1.3 Nắm được kiến thức lý luận phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Cầu lông của các cấp thi đấu ở địa phương và khu vực trong toàn quốc
- CLO1.4 Xây dựng được chương trình và phát triển chương trình đối với nội dung môn Cầu lông ở các cấp học phổ thông, các trường chuyên nghiệp
- CLO1.5 Xây dựng được chương trình huấn luyện và phát triển chương trình huấn luyện đối với nội dung môn Cầu lông ở các cấp phong trào và các Trung tâm huấn luyện và đào tạo thể dục thể thao
- CLO2.1 Thực hiện thành thạo ở mức kỹ xảo kỹ thuật đánh cầu thấp tay
- CLO2.2 Thực hiện thành thạo ở mức kỹ xảo kỹ thuật đánh cầu trung bình
- CLO2.3 Thực hiện thành thạo ở mức kỹ xảo kỹ thuật đánh cầu cao tay
- CLO3.1 Sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật đánh cầu thấp tay
- CLO3.2 Sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật đánh cầu trung bình
- CLO3.3 Sử dụng thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện kỹ thuật đánh cầu cao tay
- CLO3.4 Sử dụng thành thạo phương pháp huấn luyện các tố chất thể lực
- CLO4.1 Sử dụng thành thạo phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Cầu lông

37.5. SPO31023: Điền kinh nâng cao

Mô tả học phần: Học phần Điền kinh nâng cao là học phần cơ bản nhất của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất; nhằm cung cấp các kiến thức nâng cao về phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện các môn Điền kinh cơ bản trong trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp và các tổ chức phong trào thể dục thể thao quần chúng cũng như chuyên nghiệp. Trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức và điều hành thi đấu các nội dung điền kinh; từ đó giúp sinh viên làm quen với cách giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến vị trí nghề nghiệp trong tương lai.

Mục tiêu học phần: Hiểu được các kiến thức cơ bản về lý luận Điền kinh nâng cao. Vận dụng được các kiến thức nâng cao về kỹ năng, kỹ xảo kỹ thuật các môn điền kinh. Áp dụng được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện các môn điền kinh ở mức độ chuyên môn hóa cao. Áp dụng được luật các môn Điền kinh, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu các môn điền kinh ở nhiều cấp độ khác nhau

Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1.1 Nắm được kiến thức lý luận phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện nâng cao các môn Điền kinh
- CLO1.2 Nắm được luật thi đấu các môn điền kinh đang hiện hành
- CLO1.3 Nắm được kiến thức lý luận phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài các môn Điền kinh của các cấp thi đấu ở địa phương và khu vực trong toàn quốc
- CLO1.4 Xây dựng được chương trình và phát triển chương trình đối với nội dung các môn điền kinh ở các cấp học phổ thông, các trường chuyên nghiệp
- CLO1.5 Xây dựng được chương trình huấn luyện và phát triển chương trình huấn luyện đối với nội dung các môn điền kinh ở các cấp phong trào và các Trung tâm đào

tạo thể dục thể thao

- CLO2.1 *Thực hiện* thành thạo ở mức kỹ xảo kỹ thuật các môn chạy
- CLO2.2 *Thực hiện* thành thạo ở mức kỹ xảo kỹ thuật các môn nhảy
- CLO2.3 *Thực hiện* thành thạo ở mức kỹ xảo kỹ thuật các môn ném đẩy
- CLO3.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện các môn chạy
- CLO3.2 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện các môn nhảy
- CLO3.3 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy, huấn luyện các môn ném đẩy
- CLO3.4 *Sử dụng* thành thạo phương pháp huấn luyện các tổ chức thể lực
- CLO4.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài các môn chạy
- CLO4.2 *Sử dụng* thành thạo phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài các môn nhảy
- CLO4.3 *Sử dụng* thành thạo phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài các môn ném đẩy

37.6. SPO31026: Thể dục nâng cao

Mô tả học phần: Học phần Thể dục nâng cao (Thể dục Aerobic) là học phần cơ bản nhất của chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất; nhằm cung cấp các kiến thức nâng cao về phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện các môn Thể dục Aerobic cơ bản trong trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp và các tổ chức phong trào thể dục thể thao quần chúng cũng như chuyên nghiệp. Trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức và điều hành thi đấu các nội dung Thể dục Aerobic; từ đó giúp sinh viên làm quen với cách giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến vị trí nghề nghiệp trong tương lai.

Mục tiêu học phần: *Hiểu* được các kiến thức cơ bản về lý luận môn Thể dục nâng cao (Thể dục Aerobic). *Thực hiện* được kỹ thuật môn Thể dục nâng cao (Thể dục Aerobic). *Vận dụng* được phương pháp giảng dạy và phương pháp huấn luyện môn Thể dục nâng cao (Thể dục Aerobic) ở mức độ chuyên môn hóa cao. *Vận dụng* được luật môn Thể dục Aerobic, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu Thể dục Aerobic ở nhiều cấp độ khác nhau.

Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1.1 *Nắm được* kiến thức lý luận phương pháp giảng dạy, phương pháp huấn luyện môn Thể dục Aerobic
- CLO1.2 *Nắm được* luật thi đấu các môn Thể dục Aerobic đang hiện hành
- CLO1.3 *Nắm được* kiến thức lý luận phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài các nội dung môn Thể dục Aerobic của các cấp thi đấu ở địa phương và khu vực trong toàn quốc
- CLO1.4 *Xây dựng* được chương trình và phát triển chương trình đối với các nội dung môn Thể dục Aerobic ở các cấp học phổ thông, các trường chuyên nghiệp
- CLO1.5 *Xây dựng* được chương trình huấn luyện và phát triển chương trình huấn luyện đối với các nội dung môn Thể dục Aerobic ở các cấp phong trào
- CLO2.1 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật các các động tác thể dục cơ bản, 7 bước Aerobic, sử dụng không gian, các động tác tạo hình
- CLO2.2 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật các động tác nhào lộn, các động tác khó
- CLO2.3 *Thực hiện* thành thạo kỹ thuật bài thể dục Aerobic quy định và tự chọn
- CLO3.1 *Vận dụng* được phương pháp giảng dạy - huấn luyện các môn Thể dục Aerobic ở mức độ chuyên môn hóa cao
- CLO3.2 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy - huấn luyện các động tác thể dục cơ bản, các động tác chuyên, sử dụng không gian, các bước cơ bản Aerobic
- CLO3.3 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy - huấn luyện các động tác nhào lộn, các động tác khó
- CLO4.1 *Sử dụng* thành thạo phương pháp giảng dạy - huấn luyện bài thể dục Aerobic quy định và tự chọn

- CLO4.2 *Vận dụng* được môn Thể dục Aerobic, phương pháp tổ chức và trọng tài thi đấu môn Thể dục Aerobic ở nhiều cấp độ khác nhau
- CLO4.3 Vận dụng được các hoạt động tập luyện môn Thể dục Aerobic ở trường học các cấp.
- CLO4.4 Thực hiện triển khai giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình tập luyện và thi đấu môn Thể dục Aerobic ở trường học các cấp.

PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Căn cứ pháp lý để xây dựng và thực hiện chương trình

Khi xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, phải tuân thủ các quy trình một cách chặt chẽ: xây dựng chuẩn đầu ra, thiết kế khung chương trình và cách chuyển tải nó trong thực tiễn, đồng thời đánh giá kết quả học tập cũng như toàn bộ chương trình đào tạo. Vì vậy khi triển khai thực hiện cần thể hiện rõ sự liên kết logic giữa các khâu của quá trình đào tạo

Xu hướng của đào tạo Đại học ngày nay là chuyển từ đào tạo chuyên ngành quá hẹp sang bảo đảm một nền giáo dục đại cương đủ rộng tạo điều kiện cho việc tiếp thu tốt các học phần chuyên ngành, chuẩn bị cho sinh viên có đủ tiềm lực thích ứng với những phát triển mới của ngành nghề được đào tạo. Nội dung đào tạo Đại học không quá dàn trải mà phải có một vài mặt nâng cao, đi sâu hơn, tạo điều kiện cho sinh viên có thể học cao hơn nữa, đáp ứng yêu cầu đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực.

- Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình

- Trách nhiệm của Bộ môn/khoa/viện/trường

Thực hiện đúng theo Chương trình đã được Hiệu trưởng ban hành

- Trách nhiệm của giảng viên

Giảng dạy đúng học phần và đúng theo đề cương chi tiết

- Trách nhiệm của sinh viên

Hoàn thành Chương trình đào tạo

PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
1	Nguyễn Ngọc Việt. TK	Giảng viên chính	TS, Việt Nam, 2012	2 học phần
2	Nguyễn Trí Lục, P.TK, TBM	Giảng viên chính	T.S 2014 Trung Quốc	2 học phần
3	Nguyễn Mạnh Hùng, P.TK, TBM	Giảng viên chính	TS, CHLB Đức, 2013	2 học phần
4	Lê Minh Hải, P.TK	Giảng viên chính	Th.S, Việt Nam 2004	2 học phần
5	Châu Hồng Thắng, P.TBM	Giảng viên	Th.S, Việt Nam 2002	2 học phần
6	Đậu Bắc Sơn, P.TBM	Giảng viên chính	Th.S, Việt Nam 2001	2 học phần,
7	Võ Văn Đăng, TBM	Giảng viên chính	TS, Trung Quốc 2015	2 học phần
8	Đậu Bình Hương	Giảng viên chính	Th.S, Việt Nam 2001	2 học phần
9	Nguyễn Thị Lại, CT CDBP	Giảng viên	Th.S, Việt Nam 2004	2 học phần
10	Phan Sinh	Giảng viên	Th .S, Việt Nam 2001	2 học phần
11	Nguyễn Quốc Đăng	Giảng viên	Th.S, Việt Nam 2006	2 học phần
12	Trần Thị Ngọc Lan	Giảng viên	Th.S, Việt Nam 2002	2 học phần
13	Văn Đình Cường, TL ĐBCL	Giảng viên chính	TS, Việt Nam 2020	2 học phần
14	Dương Trọng Bình, CVHT	Giảng viên	Th.S, Việt Nam 2014	2 học phần
15	Lê Thị Như Quỳnh, TLĐT	Giảng viên	Th.S, Việt Nam 2017	2 học phần
16	Ngô Thị Như Thơ	Giảng viên	TS, Việt Nam 2020	2 học phần
17	Trần Đức Thành	Giảng viên	Th.S, Việt Nam 2009	2 học phần
18	Phạm Anh Vũ, BTLCĐ	Giảng viên	Th.S, Trung Quốc 2016	2 học phần
19	Nguyễn Thị Loan	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2016	đang làm NCS NN

PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy (dùng chung toàn trường);
- Phòng thí nghiệm, thực hành,... (nêu đặc thù cho ngành);
- Ký túc xá (dùng chung toàn trường);
- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao,... (dùng chung toàn trường)
- Sân vận động, sân tennis, nhà thi đấu, nhà tập, sân bóng chuyên, sân bóng rổ, sân cầu lông, bể bơi, dụng cụ tập luyện chuyên ngành dùng cho học thực hành

PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN

Bảng B1.1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần

T T	Mã HP	Tên học phần	Kiến thức và lập luận ngành											KN, PC cá nhân và nghề nghiệp						KN Giao tiếp và Hợp tác				Ý tưởng, T.kế, T.khai, V.hành/P.triển/C.tiến									
			1.1					1.2			1.3			2.1					2.2		3.1		3.2		4.1		4.2						
			1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.1.6	1.1.7	1.1.8	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
1	PED20002	Nhập môn ngành sư phạm													S2	S2						A2		S2	S2		C2	C2	C2	C2	C2	C2	
2	BIO30001	Giải phẫu và sinh lý người		K4								K3								S3													
3	SPO30001	Thế dục 1					K4									S3	S2				A2		S3										
4	MAT31001	Thống kê trong TĐTT			K4										S2					S3													
5	POL11001	Triết học Mác-Lênin	K3												S2						A2												
6	SPO30002	Điện kinh 1						K4								S3	S2							S3					C3	C3	C3	C3	
7	POL11002	KTCT Mác-Lênin	K3												S2						A2												
8	BIO30005	Sinh lý học TĐTT		K4								K4								S3													
9	EDU21003	Tâm lý học										K3	K3												S2				C3	C3	C3		
10	ENG10001	Tiếng Anh 1																						S2	S2	S2							
	NAP11001	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN																															
	NAP11002	Công tác quốc phòng và an ninh																															
	NAP11003	Quân sự chung																															

T T	Mã HP	Tên học phần	Kiến thức và lập luận ngành											KN, PC cá nhân và nghề nghiệp						KN Giao tiếp và Hợp tác				Ý tưởng, T.kế, T.khai, V.hành/P.triển/C.tiến																						
			1.1					1.2			1.3			2.1						2.2		3.1		3.2		4.1		4.2																		
			1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.1.4	1.1.5	1.1.6	1.1.7	1.1.8	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4													
29	SPO30008	Bóng chuyên						K4									S4						S4	S4	S4												C3	C3	C3	C3						
30	SPO31009	Cầu lông							K4								S3								S4																					
31	SPO30012	Tâm lý học TĐTT				K4						K4						S3			A3																									
32	SPO30013	Võ thuật							K4			K4					S4							S4																						
33	SPO31022	Cờ vua							K4											S3		S3																								
34	SPO31017	GDTC trường học										K4						S4					A3	S4														C4	C4							
35	SPO30024	Quần vợt										K4						S3						S4																						
36	SPO31025	Thực hành PPDH GDTC											K4			K4	S3			S4					A3			S4						C3	C3	C4	C4	C4	C4							
37		Tự chọn													K5				S4						S4																					
38	SPO31028	Thực tập và đồ án tốt nghề													K5	K4	S4			S4																					C4	C4	C5	C5	C5	C5

K: Kiến thức

- 2 Biết/Nhớ
- 3 Hiểu
- 4 Áp dụng/Phân tích
- 5 Đánh giá/Tổng hợp/Sáng tạo

A: Thái độ

- 2 Tiếp nhận
- 3 Hồi đáp/Phản ứng
- 4 Chấp nhận giá trị
- 5 Tổ chức/Ứng xử

S: Kỹ năng

- 1 Nhận thức/Bắt chước
- 2 Làm theo hướng dẫn/Vận dụng
- 3 Thuần thực/Chính xác
- 4 Thành thạo kỹ năng phức tạp/
- 5 Sáng chế/Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới

C: Năng lực (CDIO)

- 2 Hiểu/biết
- 3 Vận dụng
- 4 Phân tích
- 5 Đánh giá

